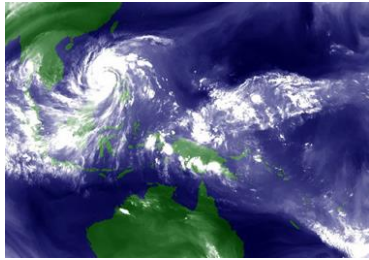


TỔNG CỤC THỦY LỢI
TRUNG TÂM PHÒNG TRÁNH VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TAI

Formatted: Left: 2,54 cm, Right: 2,54 cm, Top: 2,54 cm, Bottom: 2,54 cm, Width: 21 cm, Height: 29,7 cm, Header distance from edge: 1,25 cm, Footer distance from edge: 1,25 cm

HƯỚNG DẪN
“BÁO CÁO TỔNG HỢP NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU”



Những người thực hiện chính:

<i>STT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Vị trí</i>
1	PGS.TS. Trương Văn Bốn	Tổ trưởng
2	ThS. Đoàn Tiến Hà	Tổ phó
3	ThS. Vũ Văn Ngọc	Thành viên
4	ThS. Mạc Văn Dân	Thành viên
5	ThS. Lý Thị Minh Phương	Thành viên
6	TS. Vũ Văn Tú	Chuyên gia
7	TS. Nguyễn Đức Phúc	Chuyên gia
8	TS. Lương Tuấn Minh	Chuyên gia
9	TS. Nguyễn Đăng Giáp	Chuyên gia

Hà Nội, 2016

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	3
I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG NGHIÊN CỨU	3
1.1. Mục tiêu.....	3

1.2. Nội dung.....	3
II. DANH MỤC TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU	3
2.1. Danh sách các tài liệu thuộc nhóm 1.....	4
2.2. Danh sách tài liệu thuộc nhóm 2	4
2.3. Danh sách tài liệu thuộc nhóm 3	5
III. KẾT QUẢ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU	5
3.1. Kết quả nghiên cứu các bản kế hoạch ứng phó của 26/28 tỉnh ven biển	5
3.2. Kết quả nghiên cứu tài liệu nước ngoài	26
IV. KẾT LUẬN	29

MỞ ĐẦU

Để có được một mẫu hướng dẫn thống nhất chung về việc lập kế hoạch ứng phó với bão mạnh, siêu bão cho các tỉnh ven biển nước ta, cần thiết phải nghiên cứu và tổng hợp các tài liệu thực trạng, các báo cáo đã lập đối với 28 tỉnh ven biển. Ngoài ra cần tham khảo thêm những tài liệu của một số tổ chức phi chính phủ và một số nước trên thế giới.

Nghiên cứu tổng hợp các báo cáo của 28 tỉnh, thành phố ven biển sẽ giúp hình dung được tổng quan quy trình, cơ chế thực hiện đối với các điều kiện tự nhiên, xã hội mang tính địa phương và thực trạng ứng phó với bão mạnh, siêu bão của các tỉnh ven biển nước ta. Đây là một trong những yếu tố rất quan trọng, bởi đó là những căn cứ thực tế và bám sát các điều kiện thực tế đặc trưng của từng vùng giúp chúng ta cho quá trình lập được một bản kế hoạch mẫu ứng phó với bão mạnh, siêu bão được hiệu quả và khả thi.

Việc tổng hợp các bản phương án, kế hoạch của các nước trên thế giới là cơ sở để phân tích, so sánh, đúc rút tổng kết kinh nghiệm từ đó có thể ứng dụng các phương pháp, quy trình, các bước,... sao cho phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

1.1. Mục tiêu

- Tổng hợp các đặc điểm chung nhất về phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão trong các bản kế hoạch của 28 tỉnh ven biển. Phân tích, đánh giá ưu, nhược điểm của các bản kế hoạch này. Từ đó làm cơ sở xây dựng một mẫu chung thống nhất về việc lập kế hoạch phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão, mang tính thực tế, phù hợp với điều kiện tại Việt Nam.

- Nghiên cứu các tài liệu nước ngoài, tiếp thu các kinh nghiệm, các quy trình đã và có hiệu quả nhằm bổ sung, cải tiến và đồng thời kế thừa hợp lý hơn với bản kế hoạch của nước ta.

1.2. Nội dung

- Tổng hợp tài liệu liên quan;
- Rà soát, đánh giá, phân tích các tài liệu;
- Tham khảo tài liệu nước ngoài;
- Điều tra thực địa;
- Nghiên cứu đề xuất mẫu chung về lập kế hoạch ứng phó với bão mạnh, siêu bão cho 28 tỉnh ven biển.

II. DANH MỤC TÀI LIỆU NGHIÊN CỨU

Những tài liệu nghiên cứu được chia làm ba nhóm chính như sau:

- *Nhóm 1:* Các cơ sở pháp lý (Văn bản pháp luật, các quy định, quy định của nhà nước). Các tài liệu nghiên cứu của cơ quan Trung ương.

Việc nghiên cứu những tài liệu này rất cần thiết, bởi nó là cơ sở pháp lý, dựa vào các văn bản pháp luật này ~~ta~~ có thể phân công, giao trách nhiệm cũng như định mức các hình thức xử phạt theo quy định của nhà nước hiện hành. Các tài liệu nghiên cứu của cơ quan Trung ương là những tài liệu có độ tin cậy và có cơ sở khoa học.

- *Nhóm 2:* Các tài liệu của địa phương, đó là các báo cáo, các Bản kế hoạch của các tỉnh ven biển (26/28 tỉnh). Đây là cơ sở quan trọng nhất vì nó phản ánh tình địa phương theo từng khu vực và bám sát với tình thực tế.
- *Nhóm 3:* Các tài liệu quốc tế, đây là những Bản kế hoạch của một số chính phủ, tổ chức phi chính phủ trên thế giới. Những tài liệu này là các bài học ứng phó của các nước trên thế giới, đó là những kinh nghiệm rất quý báu giúp nâng cao chất lượng cho bản kế hoạch trong nước.

2.1. Danh sách các tài liệu thuộc nhóm 1

1. Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13;
2. Công văn số 247/PCLBTW, ngày 06/12/2014 của Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương “V/v Rà soát, xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão”;
3. Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT, ngày 29/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “V/v Phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam”;
4. Văn bản số 16/PCLBTW, ngày 11/3/2015 của Văn phòng Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương “V/v Định hướng xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão”.

2.2. Danh sách tài liệu thuộc nhóm 2

Hiện nay, đã có 26/28 tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Kiên Giang có bản kế hoạch ứng phó với bão mạnh và siêu bão. Trong đó, hai tỉnh còn thiếu là tỉnh **Quảng Trị** và tỉnh **Quảng Nam**.

Formatted: Font: Bold

Formatted: Font: Bold

2.3. Danh sách tài liệu thuộc nhóm 3

Danh sách tài liệu thuộc nhóm 3 là các tài liệu nước ngoài, được nhóm biên soạn thu thập, các tài liệu này được một số tổ chức chính phủ, hoặc phi chính phủ thành lập. Ngoài các bản kế hoạch ứng phó, còn có các báo cáo kết quả về bài học kinh nghiệm sau quá trình ứng phó và khắc phục hậu quả của siêu bão. Danh mục gồm 13 tài liệu như sau:

1. Kế hoạch ứng phó với siêu bão chăm sóc y tế và sức khỏe cộng đồng, 2014;
2. Kế hoạch ứng phó siêu bão Hawaii, 2009;
3. Kế hoạch ứng phó với siêu bão Miami, Florida thời gian thực hiện năm 2014;
4. Kế hoạch ứng phó và chuẩn bị cho siêu bão của cơ quan lưu trữ Alachua ở Florida, 2010;
5. Kế hoạch ứng phó siêu bão cho các cấp chính quyền ở Brownsville, Texas, 2014;
6. Kế hoạch ứng phó siêu bão năm 2015 ở Sarasota, Florida;
7. Kế hoạch ứng phó siêu bão năm 2012, Miami, Florida;
8. Đánh giá của Unicef về cơn bão mạnh Hai Yan ở Philippines, 2014;
9. Bài học từ cơn bão Katrina;
10. Kinh nghiệm ứng phó với bão ở Philippine;
11. Kế hoạch ứng phó rủi ro Quốc gia Philippine, 2014;
12. Chiến lược ứng phó với bão Hai Yan năm, 2013 2013;
13. Bài học từ cơn bão Hai Yan Philippine, 2013.

III. KẾT QUẢ TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU TÀI LIỆU

3.1. Kết quả nghiên cứu các bản kế hoạch ứng phó của 26/28 tỉnh ven biển

Nghiên cứu, phân tích, tổng hợp các bản kế hoạch ứng phó của 26/28 tỉnh theo hai hướng chính:

- Hướng thứ nhất xem xét bố cục tổng thể (Bảng 3.1);
- Hướng thứ hai đi sâu xem xét nội dung ứng phó với bão mạnh, siêu bão và đánh giá ưu, nhược điểm của từng phương án (26/28 tỉnh), xem Bảng 3.2.

Từ đó tìm ra được những điểm chung nhất và những điểm chưa được thống nhất cho toàn bộ danh mục các tài liệu trong nước.

3.1.1. *Bố cục tổng thể của các phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão của 26/28 tỉnh ven biển*

Qua tổng hợp, phân tích các bản kế hoạch ứng phó của 26/28 tỉnh ven biển nước ta cho thấy bố cục chung nhất của toàn bộ các phương án ứng phó này được thể hiện qua 8 nội dung chính như trong Bảng 3.1 dưới đây.

Bảng 3.1. Tổng hợp danh mục các nội dung chính trong các bản kế hoạch ứng phó với bão mạnh và siêu bão của 26/28 tỉnh ven biển

Tỉnh/Thành phố	Căn cứ pháp lý, sự cần thiết	Mục đích, yêu cầu	Tình hình chung (Điều kiện, tự nhiên, dân sinh kinh tế, hiện trạng công trình...)	Các kịch bản thiên tai gây ra do bão mạnh, siêu bão	Công tác chuẩn bị trước mùa bão	Nội dung phương án ứng phó	Phương án khắc phục hậu quả	Tổ chức thực hiện / Phân công nhiệm vụ cho các sở ban ngành
Quảng Ninh	x		x			x		x
Hải Phòng	x	x		x	x	x	x	x
Thái Bình	x	x		x	x	x		x
Nam Định	x			x	x	x		x
Ninh Bình	x	x		x	x	x		x
Thanh Hóa	x	x	x	x		x		x
Nghệ An	x	x	x	x		x		x
Hà Tĩnh		x	x	x		x		x
Quảng Bình			x	x		x		x
Quảng Trị								
Huế	x		x	x		x	x	x
Đà Nẵng	x			x		x		x
Quảng Nam								
Quảng Ngãi	x		x			x		x
Bình Định	x	x		x		x	x	x
Phú Yên	x	x	x			x	x	x
Khánh Hòa	x	x	x	x		x	x	x
Ninh Thuận	x	x	x	x		x	x	x

Bình Thuận	x		x	x		x		x
Bà Rịa Vũng Tàu		x	x	x	x	x		x
TP Hồ Chí Minh								
Tiền Giang		x	x	x		x		x
Bến Tre		x	x	x		x	x	x
Trà Vinh	x	x		x		x	x	x
Sóc Trăng	x	x	x			x	x	x
Bạc Liêu	x	x	x	x		x	x	x
Cà Mau		x	x	x		x		x
Kiên Giang		x	x	x		x	x	x

3.1.2. Phân tích, đánh giá ưu và nhược điểm của từng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão của 26/28 tỉnh ven biển

Để có thể so sánh, đánh giá được ưu và nhược điểm của từng phương án ứng phó của 26/28 tỉnh ven biển nước ta, cần phải dựa vào các tiêu chí đánh giá như sau: các nội dung chính làm cơ sở tham chiếu như sau:

- Đảm bảo an toàn tính mạng người dân: Xác định rõ số lượng dân cư, có 2 phương án di dân (tại chỗ và đến các khu vực an toàn);
- An toàn các công trình quan trọng (các cơ quan, đơn vị phòng chống thiên tai,...);
- Phương tiện, tài sản của dân (xe cộ, thuyền bè, nhà cửa,...);
- Cơ sở hạ tầng, sản xuất (đê, đường, cầu cống, ruộng vườn,...);
- Phân công trách nhiệm cho các bên liên quan;
- Đảm bảo môi trường (sinh hoạt đảm bảo, không ô nhiễm,...).

1. Kịch bản ứng phó

2. Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm;

3. Sơ tán, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất;

4. Bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc;

5. Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;

6. Nguồn nhân lực ứng phó thiên tai;

7. Dự trữ vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm

8. Đảm bảo vệ sinh môi trường.

Formatted: No bullets or numbering

Formatted: Numbered + Level: 1 + Numbering Style: 1, 2, 3, ... + Start at: 1 + Alignment: Left + Aligned at: 0,63 cm + Indent at: 1,27 cm

- Trong đó chú ý rằng với 08 nội dung tham chiếu ở trên thì 06 nội dung (2 đến 7) được định hướng tại văn bản 47/TWPCTT, 02 nội dung (1 và 8) được kiến nghị bởi nhóm nghiên cứu.

Formatted: No bullets or numbering

Dựa vào các tiêu chí nêu trên, căn cứ vào 26/28 bản kế hoạch ứng phó với bão mạnh và siêu bão của các tỉnh ven biển chúng ta có thể đánh giá được ưu và nhược điểm của từng phương án, cụ thể như trong Bảng 3.2 dưới đây.

Formatted: Font: Not Bold

Trên cơ sở nghiên cứu, phân tích tài liệu 26/28 bản phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão của các tỉnh, thành phố ven biển; tham chiếu với 07 nội dung chính kể trên để đánh giá ưu nhược điểm của các phương án như Bảng 3.2 dưới đây.

Bảng 3.2. Phân tích ưu, nhược điểm của các bản kế hoạch ứng phó với bão mạnh và siêu bão của 26/28 tỉnh ven biển

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
1	Quảng Ninh	<ul style="list-style-type: none"> + Phương án di dân gồm hai giai đoạn, giai đoạn chuẩn bị thực hiện trước khi bão đổ bộ, và giai đoạn di dân khi xảy ra bão. + Phương án bảo vệ các vùng trọng điểm (chủ yếu là các tuyến đê, cống tiêu, và khu tàu thuyền). + Phương án đảo bảo trật tự an ninh, giao thông, thông tin liên lạc. + Phương án phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh ứng phó và tìm kiếm cứu nạn. + Phương án huy động nguồn nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị nhu yếu phẩm. 	<p>Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa có các kịch bản thiên tai gây ra do bão mạnh, siêu bão. Do đó việc ứng phó vẫn mang tính dập khuôn, ước lượng và không chính xác dẫn đến chưa hiệu quả, đôi khi lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
2	Hải Phòng	<ul style="list-style-type: none"> + Phương án đảm bảo an toàn cho tàu thuyền. + Phương án sơ tán dân, chia làm bốn giai đoạn: khi bão trên biển đồng dự báo tiến vào khu vực, khi bão gần bờ, khi bão đổ bộ vào đất liền và khi bão tan. + Phương án bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm. + Phương án bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc. + Phương án phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn. + Phương án huy động nguồn nhân lực ứng phó (Theo từng kịch bản, lực lượng do bộ chỉ huy quân sự thành phố đảm nhiệm). + Phương án huy động vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm. + Phương án khắc phục hậu quả. + Phân công trách nhiệm thực hiện cho 13 đơn vị trực thuộc thành phố. 	Cơ bản đã đáp ứng được đầy đủ các tiêu chí nêu trên	<ul style="list-style-type: none"> - Số kịch bản (3 KB) bão đổ bộ vẫn còn ít, chưa được chi tiết (nhiều KB với nhiều tổ hợp hơn) nên cũng không tránh khỏi những chi phí dàn trải, lãng phí về nhân, vật lực. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.
3	Thái Bình	<ul style="list-style-type: none"> + Trong tất cả các tình huống bão mạnh, siêu bão có khả năng đổ bộ vào Thái Bình, công tác ứng phó được phân công nhiệm vụ cho 04 tiểu ban bao gồm: tiểu ban tiền phương, tiểu ban hậu phương, tiểu ban tìm kiếm cứu hộ cứu nạn, và tiểu ban tuyên truyền. + Phương án ứng phó được phân chia theo các kịch bản bão bao gồm ba mục chính: Lực lượng, vật tư phương tiện tham gia 	Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên	<ul style="list-style-type: none"> - Số kịch bản (4 KB) bão đổ bộ vẫn còn ít, chưa được chi tiết (nhiều KB hơn với các tổ hợp khác nhau) nên cũng không tránh khỏi những chi phí dàn trải, lãng phí về nhân, vật lực. - Một số nơi sự di dời dân vẫn

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		<p>ứng phó; tổ chức triển khai trước và trong bão trong đó nhiệm vụ được phân công thành hai nhóm chính, nhóm một là ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh cấp huyện, nhóm hai là các sở ban ngành.</p> <p>+ Phương án giải quyết sau khi bão tan: Có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở ban ngành.</p>		<p>còn mang tính đề phòng, tự túc di chuyển nếu cần.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p>
4	Nam Định	<p>+ Đưa ra nguyên tắc và phương pháp xây dựng dự án: phương pháp chính là xây dựng từ cấp cơ sở lên đảm bảo hai nguyên tắc 4 tại chỗ chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, vật tư tại chỗ, hậu cần tại chỗ và ba giai đoạn trước, trong và sau bão.</p> <p>+ Phân công nhiệm vụ cụ thể của các ngành, các huyện trong thành phố (17 ban ngành khác nhau)</p>	<p>Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên</p>	<p>- Số kịch bản bão và lũ (3 KB) vẫn còn ít, chưa được chi tiết (nhiều KB hơn với các tổ hợp khác nhau) và không nêu rõ tổ hợp bão + lũ. Phân chia nhiệm vụ cho từng địa phương rất rời và chồng chéo, đôi khi những chỗ không cần thiết sẽ gây lãng phí, không hiệu quả.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p>
5	Ninh Bình	<p>+ Trong các tình huống bão mạnh, siêu bão công tác ứng phó được phân công nhiệm vụ cho 03 tiểu ban chính: tiểu ban tiền phương, tiểu ban hậu phương và tiểu ban tìm kiếm cứu nạn. Việc ứng phó được lập theo các kịch bản bão (03 kịch bản) trong từng kịch bản đều thống kê</p>	<p>Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên</p>	<p>- Số kịch bản bão và lũ (3 KB) vẫn còn ít, chưa được chi tiết nên số lượng vẫn mang tính thụ động, áng chừng, đôi khi những chỗ không cần thiết</p>

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		<p>rõ khối lượng số lượng lực lượng vật tư tham gia ứng phó.</p> <p>+ Phân công nhiệm vụ cho các ban ngành trong quá trình ứng phó.</p> <p>+ Phân công nội dung công việc theo 3 giai đoạn trước, trong và sau bão.</p>		<p>sẽ gây lãng phí, không hiệu quả.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p>
6	Thanh Hóa	<p>+ Giải pháp ứng phó theo 3 giai đoạn: bão mạnh siêu bão ở biển Đông, bão mạnh và siêu bão gần bờ, và bão mạnh siêu bão vào đất liền.</p> <p>+ Đối với mỗi giai đoạn đều có 3 nhóm chính tham gia bao gồm: Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành; chủ phương tiện, thuyền trưởng và ngư dân; và cộng đồng dân cư.</p>	<p>Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên</p>	<p>- Số kịch bản bão và lũ (3 KB) vẫn còn ít, chưa được chi tiết nên số lượng vẫn mang tính thụ động, áng chừng, đôi khi những chỗ không cần thiết sẽ gây lãng phí, không hiệu quả.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p>
7	Nghệ An	<p>+ Giải pháp ứng phó theo 3 giai đoạn: bão mạnh, siêu bão ở biển Đông, bão mạnh và siêu bão gần bờ, bão mạnh siêu bão vào đất liền.</p> <p>+ Đối với mỗi giai đoạn đều có 3 nhóm chính tham gia bao gồm: Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành; chủ phương tiện, thuyền trưởng và ngư dân; và cộng đồng dân cư.</p>	<p>Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên</p>	<p>- Số kịch bản bão + triều cường (5 KB) tuy có nhiều hơn các địa phương khác về số lượng, nhưng tổ hợp vẫn chỉ tính cho bất lợi nhất (bão + triều cường), chưa có được các tổ hợp khác nên số lượng chuẩn bị và huy động sẽ tốn kém, không hiệu quả nếu xảy ra với cấp bão và tổ hợp khác, gây lãng phí, không hiệu quả.</p>

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
				- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.
8	Hà Tĩnh	<p>+ Phân vùng ảnh hưởng của nước dâng và siêu bão, trong đó chia làm các vùng ven biển cửa sông ven sông và vùng nội địa.</p> <p>+ Trong phần nhiệm vụ chủ yếu tập trung hai nhiệm vụ chính: tổ chức dân, tránh trú bão, đảm bảo an toàn cho ngư dân nghề cá, tổ chức giằng neo chằng chống nhà cửa công sở chống bão.</p> <p>+ Mục phân bổ trách nhiệm giao cho UBND thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, tuyên truyền, huy động, tổ chức sơ tán và neo giằng nhà cửa, rà soát bổ sung hoàn thiện phương án. Giao cho Ban Chỉ huy PCTT&TKCN Khu Kinh tế Vũng Áng có trách nhiệm điều hành triển khai ứng phó. Ngoài ra cũng nêu rõ trách nhiệm của các sở ban ngành cấp tỉnh.</p>	Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên	<p>- Số kịch bản bão đổ bộ (4 KB) dưới dạng chung chung, chưa có được các tổ hợp chi tiết nên số lượng vẫn mang tính ách chừng, do đó việc ứng phó sẽ gây lãng phí, không hiệu quả.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p> <p>- Việc chỉ giao cho Ban Chỉ huy PCTT & TKCN Khu Kinh tế Vũng Áng có trách nhiệm điều hành triển khai ứng phó đôi khi sẽ bị quá tải, chậm và không phản ứng kịp nếu bão đổ bộ.</p>
9	Quảng Bình	+ Xây dựng quy trình và trách nhiệm các lực lượng ứng phó bao gồm các bước: khi bão gần biển Đông, bão trên biển Đông, bão gần bờ, và bão khẩn cấp, công tác di dân, công tác trong thời gian bão đổ bộ, và công tác giải quyết hậu quả sau bão. Trong mỗi giai đoạn đều phân công trách nhiệm cho Ban chỉ	Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên	- Số kịch bản bão đổ bộ (3 KB) dưới dạng chung chung, chưa có được các tổ hợp chi tiết nên số lượng vẫn mang tính ách chừng, do đó việc ứng phó sẽ gây lãng

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		<p>huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành, trách nhiệm của chủ phương tiện, thuyền trưởng và ngư dân và trách nhiệm của cộng đồng dân cư.</p> <p>+ Đưa ra các phương án di dân cụ thể theo từng cấp bão.</p>		<p>phí, không hiệu quả.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p> <p>- Một số phương thức di dân vẫn khá thô sơ, tụt tụt.</p>
10	Quảng Trị	Không có phương án	Không có cơ sở để đánh giá	Không có cơ sở để đánh giá
11	Thừa Thiên-Huế	<p>+ Công tác triển khai trước khi bão đổ bộ: Phân công nhiệm vụ cho các sở ngành, đơn vị; nhiệm vụ của huyện, thị xã và thành phố.</p> <p>+ Nội dung các phương án ứng phó bao gồm công tác di dời dân lực lượng quân đội công an tổ chức di dời dân, đảm bảo hoàn thành công trước khi bão đổ bộ 12h, xác định địa điểm an toàn để có thể di dời dân đến, quản lí tình hình tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản, vận tải hành khách, mục này có lưu ý phân biệt rõ 4 loại phương tiện là tàu cá, tàu hàng hải, tàu du lịch và các bến đò ngang.</p> <p>+ Lên phương án bảo vệ các công trình trọng điểm, phương án vận hành hồ chứa thủy lợi thủy điện. Bảo vệ khu di tích cố đô Huế.</p> <p>+ Lên phương án đảm bảo an ninh trật tự, đảm bảo thông tin liên lạc</p> <p>+ Lên phương án chỉ đạo phối hợp tìm kiếm cứu nạn mục này phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng giám</p>	<p>Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên</p>	<p>- Số kịch bản bão đổ bộ (2 KB) dưới dạng chung chung, chưa có được các tổ hợp chi tiết nên số lượng vẫn mang tính áng chừng, do đó việc ứng phó đôi khi sẽ gây lãng phí, không hiệu quả.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p> <p>- Một số phương thức di dời vẫn khá thô sơ, tụt tụt.</p>

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		<p>đồng các sở ngành chịu trách nhiệm theo từng khu vực.</p> <p>+ Phương án huy động nguồn lực ứng phó: bao gồm bộ chỉ huy quân sự, bộ đội biên phòng, công an tỉnh, đội thanh niên, hội chữ thập đỏ</p> <p>+ Phương án vật tư, phương tiện trang thiết bị ứng phó: đã lên phương án giao trách nhiệm cụ thể về khối lượng cho từng đơn vị cụ thể, chính là bộ chỉ huy quân sự, bộ đội biên phòng, công an tỉnh và các đơn vị khác. Hạ mục dự trữ nhu yếu phẩm được giao trách nhiệm cho sở công thương.</p> <p>+ Lên phương án tổ chức khắc phục hậu quả bao gồm các công tác dời dân về chỗ ở, trợ giúp hàng hóa, chăm sóc y tế, dọn dẹp môi trường.... Trong mục này có đề cập tới nhiệm vụ cụ thể của các sở ban ngành.</p>		
12	Đà Nẵng	<p>+ Đề ra phương pháp và nguyên tắc chung nhất để xây dựng phương án ứng phó với nội dung, phương án được xây dựng theo nguyên tắc từ cấp sở lên cấp thành phố, xây dựng phương án phải đảm bảo 3 giai đoạn trước, trong và sau bão.</p> <p>+ Nội dung xây dựng Phương án của UBND các cấp, các sở, ban, ngành gồm các mục đơn vị chủ trì thực hiện, đơn vị phối hợp và các nội dung công việc chủ yếu cần thực hiện. Các đơn vị tham gia được phân</p>	<p>Đã cơ bản đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.</p> <p>Phương án ứng phó được phân công khá chi tiết cho từng cấp.</p>	<p>- Số kịch bản bão đồ bộ (4 KB) vẫn khá chung chung, chưa có được các tổ hợp chi tiết nên số lượng vẫn mang tính áng chừng, do đó việc ứng phó đôi khi sẽ gây lãng phí, không hiệu quả.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p>

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		loại theo 3 nhóm chính bao gồm các địa phương, lực lượng vũ trang (bộ đội, công an) và các sở ban ngành. + Các phương án ứng phó được chia theo các cấp bão bao gồm bão, bão mạnh và bão rất mạnh - siêu bão		
13	Quảng Nam	Không có phương án	Không có cơ sở để đánh giá	Không có cơ sở để đánh giá
14	Quảng Ngãi	+ Nội dung phương án phòng chống thiên tai bao gồm các mục: Công tác chỉ huy chỉ đạo; lực lượng; vật tư phương tiện; phương án phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đối với một số tình huống thiên tai nguy hiểm; Phương án cứu hộ, cứu nạn trên sông, đất liền; Phương án di dời, sơ tán dân phòng tránh thiên tai; Tổ chức thực hiện	Một số điểm cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Chỉ có tình huống ứng với bão mạnh và siêu bão, không rõ kịch bản bão đổ bộ, chưa có được các tổ hợp chi tiết nên số lượng vẫn mang tính áng chừng, do đó việc ứng phó đôi khi sẽ gây lãng phí, không hiệu quả. - Việc ứng phó vẫn mang tính tình thế, chưa có phương án lâu dài. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.
15	Bình Định	+ Đề ra phương pháp và nguyên tắc chung nhất để xây dựng phương án ứng phó với nội dung, phương án được xây dựng theo nguyên tắc từ cấp sở lên cấp thành phố, xây dựng phương án phải đảm bảo 3 giai đoạn trước, trong và sau bão. + Phương án ứng phó với bão mạnh siêu bão gồm	Về cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Chưa có các kịch bản bão đổ bộ nên số lượng mang tính thống kê chung, áng chừng nên rất khó chỉ đạo, ứng phó và sẽ gây lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		sáu mục lớn: Sự cần thiết và Các căn cứ; Mục đích, yêu cầu; Phương pháp và Nguyên tắc xây dựng phương án; Kịch bản thiên tai; Phương án khắc phục hậu quả; Tổ chức thực hiện		tổ dễ bị tổn thương.
16	Phú Yên	<p>+ Báo cáo gồm 3 phần: Phần 1 - đặc điểm tình hình chung; Phần 2 - khu vực bị ảnh hưởng và các phương án sơ tán dân khi có bão mạnh, siêu bão và lũ lụt xảy ra; Phần 3 - Công tác chỉ huy tổ chức lực lượng; Phần 4 - Tổ chức thực hiện.</p> <p>+ Trong mục các phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão gồm các mục: phương án sơ tán dân khi có bão mạnh; phương án bảo đảm an toàn cho tàu thuyền; phương án đảm bảo an ninh trật tự giao thông, thông tin liên lạc; phương án phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh ứng phó và tìm kiếm cứu nạn, phương án huy động nguồn nhân lực ứng phó; Phương án dự trữ vật tư, phương tiện trang thiết bị, nhu yếu phẩm, phương án khắc phục hậu quả.</p> <p>+ Phần công tác chỉ huy đưa ra được sơ đồ chỉ huy đứng đầu là Ban chỉ huy PCTT & TKCN tỉnh, tiếp đó đến các sở ngành và các đơn vị Quân đội TW hỗ trợ, dưới nữa là khối mặt trận đoàn thể, khối lực lượng vũ trang, tiếp đến là Ban chỉ huy PCTT & TKCN huyện và cuối cùng tới các phòng an, xã thôn...</p> <p>+ Mục phân công trách</p>	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	<p>- Đã có kịch bản bão + nước biển dâng và diện tích ngập lụt. Tuy nhiên vẫn mới chỉ tính cho bão mạnh và siêu bão, các tổ hợp chưa được chi tiết nên vẫn chưa có được căn cứ tốt nhất để tiến hành di dân, phòng tránh một cách chính xác, hiệu quả. Do đó đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p>

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		nhiệm có các đơn vị liên quan là: UBND các huyện thị xã thành phố, bộ chỉ huy quân sự tỉnh, bộ chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh, đài thông tin duyên hải Phú Yên, công an tỉnh, sở xây dựng, sở nông nghiệp, sở giao thông, sở công thương, công ty điện lực, sở tài nguyên môi trường, sở y tế, sở giáo dục đào tạo, sở thông tin truyền thông và đài phát thanh truyền hình Tỉnh Phú Yên, sở văn hóa thể thao và du lịch, đài khí tượng thủy văn, hội chữ thập đỏ, văn phòng UBND tỉnh.		
17	Khánh Hòa	Báo cáo gồm các phần: Phần 1 - giới thiệu chung; Phần 2 - Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão; Phần 3 - Phân công trách nhiệm thực hiện; Phần 4 - các kết luận và đề nghị. + Trong phần 2 - Phương án ứng phó với bão mạnh siêu bão đề cập đến nội dung kịch bản, các giai đoạn ứng phó với siêu bão cần đảm bảo ba giai đoạn trước trong và sau bão. Mục các phương án triển khai ứng phó bao gồm phương án sơ tán, phương án đảm bảo an toàn tàu bè, phương án bảo vệ công trình trọng điểm, phương án đảm bảo an ninh trật tự, thông tin liên lạc; Phương án phối hợp chỉ đạo phòng tránh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn; Phương án huy động nguồn nhân lực ứng phó; Phương án dự trữ vật	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Mới chỉ tính cho kịch bản bão cấp 15 + triều cường (nguy hiểm nhất). Do đó số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực là rất lớn, đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm; Phương án khắc phục hậu quả + Trong phần phân công trách nhiệm thực hiện được diễn giải cho 20 đơn vị ban ngành liên quan cơ bản giống các tỉnh khác.		
18	Ninh Thuận	+ Báo cáo gồm các nội dung lớn: Nội dung 1 - Tình hình đặc điểm bão lũ lịch sử đã xảy ra; Nội dung 2 - Phân vùng bão và nhận định nguy cơ; Nội dung 3 - Mục đích yêu cầu; Nội dung 4 - Căn cứ xây dựng; Nội dung 5 - Phương án ứng phó; Nội dung 6 - Công tác chỉ huy. + Trong mục phương án ứng phó bao gồm các hạng mục nhỏ: 1- Phương án sơ tán dân; 2- Phương án đảm bảo an toàn tàu thuyền; 3- Phương án bảo vệ công trình trọng điểm; 4- Phương án đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc; 5- Phương án huy động nguồn lực ứng phó; 7- Phương án dự trữ vật tư phương tiện; 8- Phương án khắc phục hậu quả; 9- Phân công trách nhiệm thực hiện. + Mục phần công trách nhiệm cho các đơn vị tổ chức về cơ bản cũng giống các tỉnh khác, tuy nhiên có thêm Trung tâm Phối hợp TKCN Hàng hải khu vực IV	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão, siêu bão. Do đó số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... vẫn rất chung chung, đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		và Đài Thông tin Duyên hải Phan Rang. + Mục công tác chỉ huy đã đưa cụ thể các địa điểm chỉ huy gồm hai địa điểm Văn phòng ủy ban nhân dân Tỉnh và Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh (Chi cục Thủy lợi).		
19	Bình Thuận	+ Trong mục nội dung ứng phó với bão mạnh siêu bão gồm các mục 1- Mục tiêu; 2- Phương án sơ tán dân; 3- Phương án đảm bảo an toàn tàu thuyền; 4- Phương án bảo vệ công trình PCTT và công trình trọng điểm; 5- Phương án đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc; 6- Phương án phối hợp chỉ đạo phòng tránh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn; 7- Phương án huy động nguồn nhân lực ứng phó; 8- Phương án dự trữ vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm + Đưa ra quy trình và phân cấp thực hiện bao gồm: 1- Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin; 2- Phân cấp đối với các huyện, thị xã thành phố; 3- Phân cấp đối với tỉnh.	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão, siêu bão. Do đó số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... vẫn rất chung chung, đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
20	Bà Rịa - Vũng Tàu	<p>+ Nội dung phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão bao gồm các mục: 1- Phương án sơ tán dân; 2- Phương án đảm bảo cho tàu thuyền; 3- Phương án bảo vệ CT phòng chống thiên tai và công trình trọng điểm; 4- Phương án đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc; 5- Phương án phối hợp chỉ đạo phòng tránh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn; 7- Phương án dự trữ vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm thiết yếu; 8- Phân giao trách nhiệm thực hiện.</p> <p>+ Đưa ra quy trình và phân cấp thực hiện bao gồm: 1- Quy trình tiếp nhận và xử lý thông tin; 2- Phân cấp đối với các huyện, thị xã thành phố; 3- Phân cấp đối với tỉnh.</p>	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	<p>- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão, siêu bão. Do đó số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... vẫn rất chung chung, đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết.</p> <p>- Một số khu vực việc di dân vẫn còn khá đơn giản, tùy cơ ứng biến và tự túc.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p>
21	TP Hồ Chí Minh	<p>+ Trong phần các biện pháp ứng phó với bão mạnh và siêu bão bao gồm: Điều 3 - công tác triển khai trước khi bão; Điều 4 - Tổ chức di dời, sơ tán dân khi bão, bão mạnh – rất mạnh sắp đổ bộ trực tiếp vào thành phố; Điều 5 - Quản lý tình hình tàu thuyền đánh bắt thủy hải sản, hoạt động vận tải hành khách và cho học sinh nghỉ học; Điều 6 - Công tác triển khai thực hiện trong thời gian bão, bão mạnh – rất mạnh đổ bộ; Điều 7 - Công tác triển khai thực hiện sau khi bão, bão mạnh – rất mạnh đi qua;</p> <p>+ Lực lượng, phương tiện phòng tránh ứng phó bão bao gồm: Điều 8 - Lực</p>	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	<p>- Phương án ứng phó được đưa ra với 2 tình huống, còn khá chung chung nên số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p>

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		lượng; Điều 9 - Phương tiện, trang thiết bị. + Tổ chức thực hiện, điều hành, chỉ huy phòng tránh ứng phó bão mạnh siêu bão: phân công nhiệm vụ cho 5 nhóm tổ chức bao gồm 1- Ủy ban nhân dân, các quận huyện; 2- Trong chỉ đạo ứng phó cần tập trung lực lượng; 3- Thủ trưởng các đơn vị sở ngành phải trực tiếp chỉ đạo; 4- Các tổ chức lực lượng đóng trên địa bàn thành phố phải hoàn toàn chịu lệnh điều động và nghiêm túc chấp hành lệnh chỉ đạo của chủ tịch ủy ban nhân dân huyện; 5- Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp, các ngành thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.		
22	Tiền Giang	+ Phần các phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão gồm hai mục chính: A- Các hoạt động theo trạng thái bão và B- Đối với các huyện ở phía Tây. Trong đó nội dung A bao gồm các giai đoạn chính: 1 - Bão gần biển Đông; 2 - Bão trên biển Đông; 3 - Bão gần bờ; 4 - Bão khẩn cấp; 5 - Công tác triển khai thực hiện trong thời gian bão đổ bộ; 6 - Công tác triển khai thực hiện sau khi bão đi qua; 7 - Lực lượng, phương tiện phòng tránh, ứng phó bão	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão đổ bộ nên số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.
23	Bến Tre	+ Mục nội dung phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão bao gồm các mục nhỏ: 1- Mục đích, yêu cầu; 2- Xác định kịch bản thiên	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên. Nhìn	- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão đổ bộ nên số lượng di dân, huy động

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		<p>tại; 3 - Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương do bão mạnh gây ra; 4 - Đánh giá khả năng ứng phó bão mạnh của tỉnh; 5 - Các phương án đảm bảo phòng chống bão, nước dâng; 6 - Các hoạt động ứng phó theo trạng thái của bão; 7 - Công tác thực hiện sau khi bão đi qua</p> <p>+ Trong mục các phương án đảm bảo phòng chống bão, nước dâng bao gồm các nội dung công việc như sau: 1 - Phương án sơ tán dân; 2- Đảm bảo an toàn cho tàu thuyền; 3- Bảo vệ các công trình trọng điểm; 4 - Đảm bảo an ninh trật tự giao thông, thông tin liên lạc; 5 - Phương án phối hợp chỉ đạo phòng tránh, ứng phó và TKCN; 6 - Phương án huy động nguồn nhân lực, phương tiện ứng phó; 7 - Phương án dự trữ vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm</p>	<p>chung khá cụ thể.</p>	<p>lượng, vật tư, lương thực,... đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết.</p>
24	Trà Vinh	<p>+ Có thêm mục công tác chuẩn bị bao gồm các nội dung: 1- Xác định các khu vực trọng điểm trên địa bàn tỉnh dễ bị tổn thương khi có bão mạnh, siêu bão; 2 - Xác định các khu vực neo đậu tàu thuyền khi xảy ra bão mạnh, siêu bão; 3 - Xây dựng bản đồ các phương án di dân khi có bão mạnh, siêu bão ảnh hưởng đến địa bàn tỉnh Trà Vinh.</p> <p>+ Phương án ứng phó được triển khai theo các giai đoạn của bão: 1 - Bão gần biển Đông; 2 - Bão trên biển Đông; 3 - Bão gần bờ;</p>	<p>Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.</p>	<p>- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão đổ bộ nên số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết.</p> <p>- Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.</p>

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
		4 - Khi bão khẩn cấp chuẩn bị đổ bộ vào đất liền; 5 - Khi bão đổ bộ vào đất liền trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; 6 - Khi bão đã đi qua		
25	Sóc Trăng	+ Phương án ứng phó được xác định rõ theo các giai đoạn phát triển của bão (7 giai đoạn như các tỉnh trên). + Nội dung công việc cho các sở ban ngành về cơ bản giống các tỉnh khác	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão đổ bộ nên số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.
26	Bạc Liêu	+ Phương án ứng phó được xác định rõ theo các giai đoạn phát triển của bão (7 giai đoạn như các tỉnh trên). + Nội dung công việc cho các sở ban ngành về cơ bản giống các tỉnh khác	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão đổ bộ nên số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.
27	Cà Mau	+ Phương án ứng phó được xác định rõ theo các giai đoạn phát triển của bão (7 giai đoạn như các tỉnh trên). + Nội dung công việc cho các sở ban ngành về cơ bản giống các tỉnh khác	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão đổ bộ nên số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... đôi khi

STT	Tỉnh/Thành phố	Nội dung chính	Ưu điểm	Nhược điểm
				sẽ gây lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.
28	Kiên Giang	+ Phương án ứng phó được xác định rõ theo các giai đoạn phát triển của bão (7 giai đoạn như các tỉnh trên). + Nội dung công việc cho các sở ban ngành về cơ bản giống các tỉnh khác	Cơ bản đã đáp ứng được các tiêu chí nêu trên.	- Chưa có các kịch bản cụ thể về bão đổ bộ nên số lượng di dân, huy động lực lượng, vật tư, lương thực,... đôi khi sẽ gây lãng phí không cần thiết. - Chưa có phân tích về các yếu tố dễ bị tổn thương.

3.1.3. Đánh giá chung về các phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão của 26/28 tỉnh ven biển

Từ các tài liệu thu thập, phân tích của 26/28 tỉnh ven biển có thể đưa ra được những điểm chung nhất và những điểm còn chưa thống nhất như sau:

1) Những điểm chung nhất:

Qua kết quả nghiên cứu các bản kế hoạch ứng phó của 26/28 tỉnh thành cho thấy, trong tất cả các bản kế hoạch này đều bao gồm các nội dung chính và bố cục như sau:

- a. Đặc điểm tự nhiên, nhận định tình hình, nguy cơ siêu bão: Phân tích đặc điểm tự nhiên, các trận bão mạnh đã xảy ra trong lịch sử và nguy cơ, rủi ro do siêu bão và nước biển dâng do siêu bão.
- b. Mục đích, yêu cầu của xây dựng phương án ứng phó: Xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão, trong đó tập trung vào phương án di dời dân vùng ven biển ảnh hưởng bởi nước biển dâng do bão mạnh, siêu bão.
- c. Các kịch bản xây dựng phương án:

- Các tỉnh xây dựng phương án ứng phó với kịch bản cấp bão lớn nhất theo phân vùng bão của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Một số tỉnh xây dựng phương án ứng phó với các kịch bản khác kịch bản tương ứng các cấp bão, mực nước triều và mực nước lũ trong sông như: bão mạnh, siêu bão + lũ trong sông; bão mạnh, siêu bão + triều cường; bão mạnh, siêu bão + lũ trong sông + triều cường,....

d. Nội dung phương án ứng phó:

- Xác định các công việc cần tập trung triển khai theo các giai đoạn diễn biến của bão, trong đó phân công nhiệm vụ cho các Sở, ban, ngành và địa phương, cộng đồng dân cư.
- Xác định phương án ứng phó:
 - + Phương án di dân;
 - + Phương án đảm bảo thông tin liên lạc;
 - + Phương án đảm bảo an toàn tàu thuyền;
 - + Phương án bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm;
 - + Phương án đảm bảo an ninh trật tự, giao thông;
 - + Phương án phối hợp chỉ đạo phòng tránh, ứng phó và tìm kiếm cứu nạn;
 - + Phương án huy động nguồn nhân lực ứng phó;
 - + Phương án dự trữ vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm.

Các tỉnh, thành phố tập trung chủ yếu rà soát, xác định và xây dựng phương án di dân và phương án đảm bảo thông tin liên lạc. Nội dung chủ yếu rà soát xác định khu vực, số hộ và số người cần sơ tán; địa điểm phục vụ sơ tán; lực lượng, phương tiện phục vụ sơ tán. Đồng thời xác định phương án đảm bảo thông tin liên lạc trong các tình huống phục vụ chỉ đạo, ứng phó bão mạnh, siêu bão.

Một số kết quả tổng hợp chi tiết số liệu phương án sơ tán dân:

- Tổng số dân phải sơ tán là 6.283.647 người dân;
- Lực lượng dự kiến huy động tham gia là 811.289 người. Lực lượng bao gồm: quân đội, công an, y tế, chữ thập đỏ, đoàn thanh niên, hội cựu chiến binh, hội nông dân, và lực lượng của các doanh nghiệp;
- Phương tiện, trang thiết bị dự kiến huy động là 58.462 phương tiện bao gồm xe khách, xe con các loại.
- Địa điểm sơ tán dân: Chủ yếu là trường học, trụ sở các cơ quan cấp xã, bệnh viện,...

- Các địa điểm neo đậu tàu thuyền tránh trú bão: Tổng hợp các tỉnh ven biển có: 692 địa điểm neo đậu với sức chứa là 130.585 tàu thuyền các loại.

2) Những điểm chưa thống nhất:

- Các báo cáo (dự thảo hoặc đã phê duyệt) chưa được thống nhất theo một mẫu chung, đa số vẫn mang tính tự xây dựng, nhiều báo cáo còn khá sơ sài;

- Các mẫu biểu thống kê về: số lượng di dân, tàu thuyền, nhân lực và phương tiện huy động, công trình cần bảo vệ, nhu yếu phẩm, y tế,... chưa theo một biểu mẫu chung, chủ yếu do các địa phương tự kê và lập lên.

- Hầu hết đều chưa có các kịch bản về tổ hợp bão + nước dâng + lũ và bản đồ ngập lụt tương ứng với các tổ hợp một cách chi tiết. Một số tỉnh có một vài kịch bản, nhưng đa số vẫn mang tính chung chung, đại diện và các kịch bản này ở mỗi tỉnh lại có sự khác biệt.

- Phần lớn các tỉnh chưa chú trọng đến việc phân tích, đánh giá kỹ lưỡng về các yếu tố dễ bị tổn thương và đề ra phương án loại bỏ các tổn thương.

- Đa số đều chưa lập được quy trình, phương án bài bản để có được sự chỉ đạo, phối hợp và vận hành một cách nhuần nhuyễn từ cấp cao nhất đến cấp cơ sở nhằm ứng phó chủ động với bão mạnh, siêu bão.

3.2. Kết quả nghiên cứu tài liệu nước ngoài

Tại Mỹ, thu thập được 7 tài liệu liên quan đến vấn đề lập kế hoạch ứng phó với bão mạnh, siêu bão. Cụ thể như sau:

Năm 2004, tổ chức y tế thế giới WHO cùng với , bộ y tế và Môi trường Belize quốc gia trung Mỹ giáp Mexico và Guatemala lập bản “Kế hoạch ứng phó với siêu bão chăm sóc y tế và sức khỏe cộng đồng”. Với mục tiêu huy động và phối hợp chăm sóc y tế kịp thời và có hiệu quả và ứng phó về mặt y tế cộng đồng khi các tác động của thiên tai do nhân tạo hay tự nhiên xảy ra. Trong đó đã đánh giá các tác động của siêu bão về số người thiệt mạng, bị thương, mức độ gia tăng khả năng lây lan dịch bệnh, thiệt hại với các cơ sở y tế, sự khan hiếm thực phẩm; Phân cấp giới, nước dâng do bão; Phân cấp cảnh báo sóng thần đối với từng khu vực. Bản kế hoạch có nêu rõ phương án thực hiện, nguồn kinh phí thực hiện cũng như trách nhiệm của các bên liên quan.

Năm 2009, lập bản “Kế hoạch ứng phó siêu bão Hawaii” gồm các bên liên quan: liên bang, chính phủ, chính quyền địa phương, các tổ chức phi chính phủ và các cá nhân bị ảnh hưởng. Đối tượng của bản kế hoạch là cư dân trên đảo Oahu, Hawaii tuy nhiên kế hoạch này có thể được mở rộng để sử dụng cho những hòn đảo lân cận. Mục tiêu chính của bản kế hoạch là chiến lược chi tiết ứng phó siêu bão ở Hawaii, thiết lập các điều kiện thuận lợi để phục hồi dài hạn sau siêu bão. Bản kế hoạch đã xác định rõ mối đe dọa lớn là: gió lớn, lũ lụt do mưa, và sóng bão, ngập lụt các vùng ven biển và vùng trũng; nhiệm vụ thiết yếu là đảm bảo an toàn tính mạng và tài sản, chăm sóc y tế, tái thiết sau bão. Bản kế hoạch đã thiết lập sơ đồ phân công nhiệm vụ theo từng giai đoạn của siêu bão.

Năm 2014, lập bản kế hoạch ứng phó với siêu bão Miami, Florida. Kế hoạch này nhằm đề ra các biện pháp ứng phó khi có siêu bão để đảm bảo an toàn về người và tài sản khi có siêu bão xảy ra ở thành phố Miami. Các bên liên quan và thực hiện bao gồm: Chính quyền thành phố, Trung tâm phụ trách các hoạt động khẩn cấp thành phố, và tất cả các sở các ban ngành trực thuộc của thành phố. Trong bản kế hoạch này có hai điểm khác biệt: một là xác định rõ cá nhân chịu trách nhiệm về việc thực hiện các hành động được liệt kê trong kế

hoạch và hai là thành lập trung tâm điều phối khẩn cấp chịu trách nhiệm tổng chỉ huy khi có siêu bão xảy ra.

Bản kế hoạch ứng phó và chuẩn bị cho siêu bão của cơ quan lưu trữ Alachua ở Florida, thực hiện năm 2010. Được thực hiện bởi văn phòng lưu trữ Alachua. Bản kế hoạch đã hướng dẫn phân cấp bão mạnh, siêu bão để có các biện pháp phù hợp nhằm xây dựng kế hoạch ứng phó với siêu bão. Trong bản kế hoạch này có điểm mới là đưa ra bảng cập nhật thông tin của các cơ quan hỗ trợ khẩn cấp (số liên lạc, website, địa chỉ ..).

Bản kế hoạch ứng phó siêu bão cho các cấp chính quyền ở Brownsville, Texas được thực hiện năm 2014. Đây-Đây là một bản chỉ dẫn chung từ các cấp chính quyền, các ban ngành cho đến tận từng người dân về các biện pháp xử lý khi có siêu bão. Các nội dung công việc được phân ra theo các giai đoạn cụ thể chi tiết, nhiệm vụ cho từng ban ngành, cá nhân sau 48 giờ, 72 giờ và 96 giờ. Có thể nói, đây là một bản kế hoạch khá chi tiết và thực tế.

Bản kế hoạch ứng phó siêu bão năm 2015 ở Sarasota, Florida cho các bên liên quan bao gồm: Văn phòng bảo vệ cộng đồng, hệ thống chăm sóc sức khỏe ở Sarasota. Đơn vị phê duyệt - ban quản lý các vấn đề khẩn cấp. Tài liệu này đưa ra các hướng dẫn nhằm giảm thiểu thiệt hại người và tài sản và đặc biệt chú trọng đến hỗ trợ y tế cho khu vực Sarasota, Florida. Bản kế hoạch đi sâu phân tích hiểm họa và phân công trách nhiệm cho từng đơn vị các nhân khi siêu bão xảy ra.

Bản kế hoạch ứng phó siêu bão năm 2012, Miami, Florida. Các bên tham gia: Ban quản lý các vấn đề về chăm sóc sức khỏe Florida, ủy ban hỗn hợp, ban quản lý các vấn đề khẩn cấp Miami, hệ thống chăm sóc sức khỏe Jackson. Tài liệu này chủ yếu đưa các giải pháp nhằm bảo vệ tính mạng và sức khỏe người dân khi có siêu bão xảy ra. Bản kế hoạch đưa ra khái niệm và hoạt động ứng phó theo các giai đoạn sau:

- Chuẩn bị và giảm thiểu rủi ro (Trước khi một cơn bão nhiệt đới hoặc siêu bão)
- Ứng phó Giai đoạn I (Báo động siêu bão)
- Ứng phó Giai đoạn II (Thấy siêu bão)
- Ứng phó Giai đoạn III (Cảnh báo siêu bão)
- Ứng phó Giai đoạn IV (Trong bão)
- Ứng phó Giai đoạn V (Sau Bão)
- Tái thiết (Sau khi cơn bão)

Đối với tài liệu thu thập kế hoạch ứng phó của các nước Tại Châu Á, nhóm biên soạn đi sâu thu thập các tài liệu liên quan đến cơn bão Hai Yan ở Philippines, năm 2014. Trong đó có các tài liệu liên quan như sau:

Thứ nhất: Đánh giá của Unicef về cơn bão mạnh Hai Yan ở Philippines. Tài liệu này đánh giá về diễn biến của cơn bão và những thiệt hại nó gây ra. Đặc biệt trong bản báo cáo này có đề cập tới vai trò cũng như chương trình của Unicef trong hoạt động ứng phó với siêu bão. Ở đây, cần lưu ý tới nội dung “Các yếu tố của chương trình ứng phó”. Việc xác định rõ các yếu tố này, sẽ đảm bảo cho bản kế hoạch được rõ ràng, và dễ thực thi trong thực tế khi có sự cố siêu bão xảy ra.

Thư hai: Kế hoạch ứng phó rủi ro Quốc gia Philippine, năm 2014. Các bên tham gia: Jica, ủy ban bảo vệ quốc gia, hội đồng quản lý và giảm thiểu rủi ro quốc gia, chính phủ Philippine. Đây là kế hoạch cấp độ Quốc gia nhằm ứng phó với các hiểm họa từ khí tượng thủy văn như siêu bão và sóng thần. Báo cáo này nêu rõ cấu trúc của bản kế hoạch ứng phó, vạch rõ hoạt động của kế hoạch ứng phó trong từng giai đoạn khi xảy ra siêu bão. Một điểm cần lưu ý trong bản kế hoạch này đó là việc chia các hoạt động ứng phó thành các cụm rõ ràng. Trong mỗi cụm các hoạt động có tính tương đồng và có thể cùng triển khai song song.

Thư ba: Chiến lược ứng phó với bão Hai Yan năm 2013. Báo cáo này nhằm đề xuất các giải pháp giúp Cộng đồng và chính quyền địa phương phục hồi từ sau thảm họa, xây dựng lại an toàn hơn tránh được những sai lầm trong quá khứ đối mặt với thảm họa. Trong bản kế hoạch này, có điểm đáng lưu ý là việc đề xuất kinh phí thực hiện được cụ thể hóa. Và nguồn kinh phí thực hiện cũng được xác định rõ ràng từ chính phủ và từ các nhà tài trợ nhân đạo.

Thư tư: Bài học từ cơn bão Hai Yan Philippine. Vấn đề này được tổng hợp từ báo cáo của Oxfam và các tài liệu khác liên quan bao gồm các vấn đề như sau:

- Rất nhiều người chết và mất tích do nước biển dâng trong siêu bão. Mặc dù chính quyền đã ý thức được hiện tượng nước biển dâng trong siêu bão có thể gây ra nhiều người chết và mất tích giống như cơn bão Katrina năm 2005 tại Mỹ nhưng người dân còn chủ quan và chính quyền thì không dùng biện pháp mạnh để sơ tán. Ngoài ra, bản đồ dự báo về nước biển dâng tại khu vực Tacloban khác hẳn so với thực tế đã xảy ra nên việc tổ chức di dời dân và chọn chỗ trú ẩn trong bão là không chính xác;
- Đối với siêu bão thì chính quyền địa phương chưa có nhiều kinh nghiệm, không tính đến trường hợp mất thông tin liên lạc, dẫn đến bị động và người dân phải tự mình chống chọi trong siêu bão và ngập nước;
- Các siêu bão như Haiyan có khả năng gây hư hỏng nghiêm trọng đối với hệ thống thông tin liên lạc, các bệnh viện, trụ sở các cơ quan công quyền, hệ thống điện, nước, cảng, phà biển và sân bay. Vì vậy, việc tiếp cận các khu vực cần cứu trợ khẩn cấp cực kỳ khó khăn. Việc tái thiết, xây dựng lại rất tốn kém và mất nhiều thời gian;
- Siêu bão đã gây rối loạn, mất an ninh và trật tự xã hội, dẫn đến sự mất kiểm soát của chính quyền địa phương, cản trở công tác cứu trợ, cứu nạn và phục hồi sự hoạt động bình thường của hệ thống hạ tầng chính trị xã hội;

- Nâng cao hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về hạ tầng cấp thoát nước và xây dựng, sao cho việc quy hoạch có thể tránh ngập nước trong siêu bão (quy chuẩn phòng chống lũ, lụt), tăng tính bắt buộc và thực thi đối với quy chuẩn và tiêu chuẩn xây dựng sao cho nhà và công trình có thể an toàn hơn trong siêu bão.

Từ các bản kế hoạch ứng phó với những cơn bão mạnh, các siêu bão và những bài học rút ra đã được các nước thực hiện (điển hình là Mỹ và Philippines) theo như phân tích ở trên cho thấy: Việc đề ra các bước, quy trình, phương án cụ thể, rõ ràng nhằm chủ động đối phó với bão mạnh và siêu bão đồ bộ sẽ phòng tránh, giảm thiểu được rất nhiều những thiệt hại về người và tài sản cũng như chủ động trong phục hồi sau bão. Bởi những cơn bão mạnh, siêu bão nếu đồ bộ sẽ có sức tàn phá cực kỳ khủng khiếp mà bài học của Philippines đối với cơn bão Hai Yan năm 2014 là minh chứng rõ ràng nhất.

IV. KẾT LUẬN

Để đảm bảo tính thực tiễn, khách quan và mức độ khả thi cao khi lập kế hoạch ứng phó với bão mạnh và siêu bão, cần nghiên cứu và tham khảo ba loại tài liệu chính: Các văn bản pháp luật và các quy định liên quan; Các bản kế hoạch của 26/28 tỉnh ven biển; Các bản kế hoạch ứng phó của một số nước trên thế giới.

Qua nghiên cứu các bản kế hoạch của 26/28 tỉnh ven biển nước ta nhận thấy bố cục chính của các bản kế hoạch bao gồm các nội dung:

1- Đặc điểm tự nhiên, nhận định tình hình, nguy cơ siêu bão;

2 - Mục đích, yêu cầu của xây dựng phương án ứng phó;

3 - Các kịch bản xây dựng phương án;

4 - Nội dung phương án ứng phó, phần này xác định rõ các công việc cần tập trung triển khai theo các giai đoạn diễn biến của bão, trong đó phân công nhiệm vụ cho các sở, ban, ngành, địa phương và cộng đồng dân cư. Trong đó cũng đã xác định rõ tám phương án ứng phó bao gồm: sơ tán dân, đảm bảo thông tin liên lạc, an toàn tàu thuyền, bảo đảm công trình trọng điểm, an ninh trật tự giao thông, phương án phối hợp chỉ đạo và tìm kiếm cứu nạn, phương án huy động nhân lực ứng phó, phương án dự trữ vật tư nhu yếu phẩm.

Khi so sánh, phân tích các tài liệu nước ngoài và trong nước có thể rút ra được một số ưu, nhược điểm cần phát huy cũng như khắc phục đối với một bản kế hoạch ứng phó cấp tỉnh của Việt Nam như sau:

- Ưu điểm: các bản kế hoạch ứng phó của 26/28 tỉnh ven biển về cơ bản đã nêu rõ các nội dung công việc chính cần giải quyết trong công tác ứng phó. Mang tính thực tiễn và bám sát với điều kiện dân sinh, kinh tế, xã hội cũng như thiên tai của từng địa phương.

- Nhược điểm: Việc phân công nhiệm vụ còn chung chung, chưa giao trách nhiệm cho các cá nhân và tổ chức cụ thể, chưa đề cập tới nguồn kinh phí cụ thể phục vụ công tác ứng phó, nhiều tỉnh chưa có quy trình ứng phó cụ thể ứng với các giai đoạn của bão mạnh, siêu bão. Bản kế hoạch hầu như ở dạng chữ, chưa có sơ đồ tổ chức, chưa có các bảng phân công nhiệm vụ trách nhiệm rõ ràng. Chưa đề cập đến danh sách về thông tin các đơn vị ứng phó.

Từ các phân tích này, việc cần phải đề xuất một mẫu chung để lập phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão cho toàn bộ 28 tỉnh ven biển. Đi kèm với nó là các thống nhất sẽ giúp cho việc theo dõi, chỉ đạo và thực hiện, phối hợp của trong việc ứng phó với bão mạnh, siêu bão được chủ động và hiệu quả

HƯỚNG DẪN MẪU



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN



*Empowered lives.
Resilient nations.*

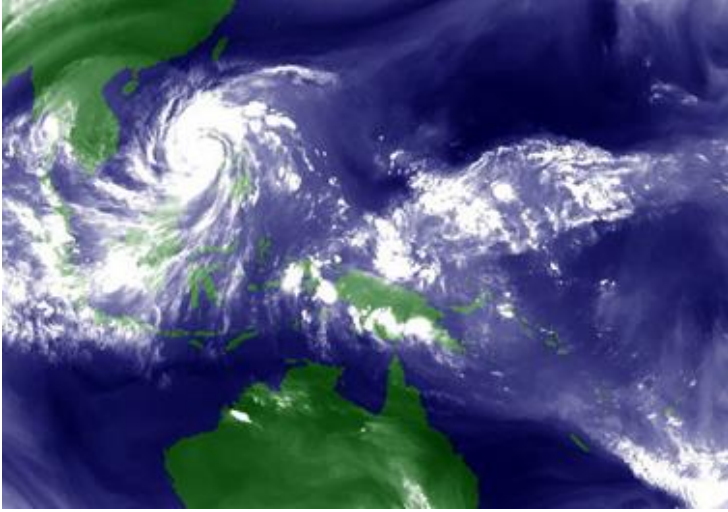
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LIÊN HỢP QUỐC



TRUNG TÂM PHÒNG TRÁNH VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TAI

HƯỚNG DẪN

“XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ BÃO MẠNH, SIÊU BÃO”



Hà Nội, 2016

Nội dung

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:	36
B. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN “ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ BÃO MẠNH, SIÊU BÃO”	37
I. Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong tỉnh	37
1.1. Đặc điểm tự nhiên	37
1.2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế-xã hội và cơ sở hạ tầng.....	37
II. Tổng hợp phân tích tình hình bão mạnh và siêu bão	37
2.1. Tình hình bão mạnh và siêu bão đã xảy ra	37
2.2. Xây dựng các kịch bản cho phù hợp với địa phương mình.....	37
2.3. Xác định những vấn đề cấp thiết của cộng đồng – mối quan tâm của người dân.....	38
2.4. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương	38
2.5. Đánh giá năng lực phòng, chống và ứng phó với bão mạnh và siêu bão của cộng đồng.	38
2.6. Đánh giá mức độ nhận thức của người dân về bão mạnh và siêu bão	39
2.7. Phân tích rủi ro – Lựa chọn giải pháp.	39
III. Phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả	39
3.1. Tổ chức phòng ngừa	41
3.2. Xây dựng phương án ứng phó bão mạnh và siêu bão.	41

3.2.1. Phương án ứng phó bão mạnh và siêu bão bao gồm một số nội dung chính sau đây:.....	41
3.2.2. Phương án ứng phó cụ thể với từng giai đoạn của siêu bão:..	42
3.3. Tổ chức khắc phục hậu quả:	43
3.3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ khẩn cấp.	43
3.3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ	44
3.3.3. Khôi phục sản xuất (các lĩnh vực và toàn xã hội).	44
IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ BÃO MẠNH VÀ SIÊU BÃO	44
4.1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện.....	44
4.2. Xác định nguồn lực để thực hiện phương án ứng phó	45
4.3. Xây dựng tiến độ thực hiện, theo dõi, giám sát, đánh giá	45
4.4. Tổng kết báo cáo rút kinh nghiệm, cập nhật và chuẩn bị kế hoạch cho năm sau và những năm tiếp theo.....	45
Bảng 1: Đặc điểm tự nhiên	47
Bảng 2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế- xã hội và cơ sở hạ tầng.	48
Bảng 3. Tình hình bão mạnh và siêu bão gần đây (từ 5-10 năm)	51
Bảng 4: Các yếu tố dễ bị tổn thương	51
Bảng 5 Nguồn lực	52
Bảng 6. Một số hoạt động cụ thể	54
Bảng 7. Tổng hợp các chỉ tiêu chính thiệt hại do bão gây ra năm	55
Phụ lục 1: Kịch bản đã công bố của Bộ TNMT, Bộ NN&PTNT (cấp bão, ngập lụt).	58
Phụ lục 2: Quy định về cấp gió và cấp sóng.....	60

HƯỚNG DẪN MẪU

UBND TỈNH

BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /PA-PCTT

Ngày tháng năm

PHƯƠNG ÁN

ỨNG PHÓ VỚI BÃO MẠNH, SIÊU BÃO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH/THÀNH

Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão được xây dựng trên cơ sở các văn bản pháp lý sau đây:

- a) Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được Quốc hội thông qua tháng 6/2013, có hiệu lực từ 01/05/2014;
- b) Công văn số 247/PCLBTW, ngày 06/12/2014 của Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương “V/v Rà soát, xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão”;
- c) Quyết định số 1857/QĐ-BTNMT, ngày 29/8/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường “V/v Phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão, nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam”;
- d) Văn bản số 16/PCLBTW, ngày 11/3/2015 của Văn phòng Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương “V/v Định hướng xây dựng phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão”;
- e) Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão của 26/28 tỉnh thành ven biển;

Và một số tài liệu liên quan khác như:

- f) Tài liệu “Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” (Tài liệu dùng cho cấp xã), được xây dựng và biên tập bởi Trung tâm Phòng tránh và Giảm nhẹ thiên tai - Cục PCTT - Tổng cục TL - Bộ NN&PTNT, xuất bản năm 2015;
- g) Bản kế hoạch của một số chính phủ, tổ chức phi chính phủ trên thế giới.

A. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU:

1. Nhằm tuyên truyền, giáo dục, cung cấp kiến thức về phòng, chống bão mạnh và siêu bão, các tác động của nó đến an toàn tính mạng và tài sản của người dân.
2. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân thuộc địa bàn tỉnh trong hoạt động phòng, chống bão mạnh và siêu bão theo quy định của pháp luật.
3. Chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời để giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do bão mạnh và siêu bão gây ra. Đồng thời khắc phục khẩn trương, có hiệu quả sau bão mạnh và siêu bão.

4. Quán triệt và thực hiện có hiệu quả phương châm “bốn tại chỗ” (chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ).
5. Nâng cao năng lực xử lý tình huống, sự cố, chỉ huy, điều hành tại chỗ để ứng phó bão mạnh và siêu bão có hiệu quả.
6. Nâng cao nhận thức cộng đồng trong “Ứng phó bão mạnh và siêu bão” để phát huy ý thức tự giác chủ động phòng, chống bão mạnh và siêu bão của toàn dân trên vùng ven biển.
7. Cung cấp thông tin cho việc lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội tại địa phương.

B. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN “XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ BÃO MẠNH, SIÊU BÃO”

I. Giới thiệu tình hình chung và những thông tin cơ bản trong tỉnh

1.1. Đặc điểm tự nhiên

Chi tiết về đặc điểm tự nhiên của tỉnh tham khảo **Bảng 1**

1.2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế-xã hội và cơ sở hạ tầng

Chi tiết về đặc điểm dân sinh, kinh tế-xã hội và cơ sở hạ tầng tham khảo **Bảng 2**

II. Tổng hợp phân tích tình hình bão mạnh và siêu bão

2.1. Tình hình bão mạnh và siêu bão đã xảy ra

- Thống kê các cơn bão mạnh, siêu bão đã xảy ra trong những năm gần đây (từ 10 - 15 năm) và trong lịch sử.
- Phân tích đặc điểm của từng cơn bão theo một số tiêu chí: thời gian bão đổ bộ và duy trì, mức độ tác động của gió, mưa, xu hướng tăng/giảm của các cơn bão, đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu.
- Những thiệt hại và tác động của nó đã xảy ra ở địa phương.
- Rút ra các bài học kinh nghiệm;
- Chi tiết về tình hình bão mạnh và siêu bão tham khảo **Bảng 3**.

2.2. Xây dựng các kịch bản cho phù hợp với địa phương mình

Dựa trên cơ sở các kịch bản đã công bố của Bộ TNMT, Bộ NN&PTNT (cấp bão, ngập lụt, ứng với từng trường hợp), căn cứ vào tình hình, tài liệu thực tế của địa phương (địa hình, bố trí dân cư) xem xét để xây dựng các kịch bản cho phù hợp với địa phương mình. Chi tiết tham khảo Phụ lục 1.

- a) Bão mạnh cấp 10, cấp 11
- b) Bão rất mạnh từ cấp 12 đến cấp 15

c) Siêu bão từ cấp 16 trở lên

Trong mỗi kịch bản cần xác định vùng ngập lụt do nước biển dâng ứng với từng cấp bão, bao gồm diện tích ngập, chiều sâu ngập (diện tích và độ sâu ngập được thể hiện trên bản đồ bằng chỉ thị màu thể hiện độ sâu đậm nhạt khác nhau)

2.3. Xác định những vấn đề cấp thiết của cộng đồng – mối quan tâm của người dân

Xác định rõ những vấn đề cấp thiết cần làm ngay trước mùa bão, lũ, xem xét xử lý các mối quan tâm lo ngại của người dân đối với những rủi ro có thể xảy ra như vấn đề ngập lụt, nhà đổ v.v...

2.4. Xác định các yếu tố dễ bị tổn thương

Xác định rõ các yếu tố bị ảnh hưởng bởi bão mạnh, siêu bão như:

- Dân cư: Tổng số dân toàn tỉnh, phân bố theo từng huyện, giới tính, dân tộc thiểu số, số người già và trẻ em, người khuyết tật.
- Cơ sở hạ tầng, vật chất: Đường xá, cầu phà, bến bãi, khu neo đậu, hệ thống thông tin liên lạc,... Cần phải cập nhật những cơ sở hạ tầng xây mới, những cơ sở hạ tầng có sự điều chỉnh và thay đổi so với trước đây.
- Công trình Phòng, chống thiên tai: Hệ thống đê điều; Các mạng lưới đê, trạm quan trắc khí tượng, thủy văn, hải văn, địa chấn; Các trạm thu nhận thông tin cảnh báo sớm về mưa, bão, lũ,... Cần phải cập nhật những sự thay đổi so với trước đây.
- Cơ sở sản xuất: Các nhà máy, xí nghiệp, khu chế xuất về nông, lâm, ngư nghiệp; Các khu công nghiệp; Các khu nuôi trồng thủy hải sản; Các khu đất canh tác nông sản; Các khu dịch vụ và du lịch;... Liên tục cập nhật những sự thay đổi so với trước đây.
- Các công trình trọng điểm: Các công trình, khu di tích, văn hóa; Các công trình phục vụ an ninh, quốc phòng.
- Đặc biệt chú ý đánh giá cụ thể tình hình dân sinh, kinh tế, cơ sở hạ tầng trong vùng bị ngập lụt theo bản đồ ngập lụt do Cục PCTT cung cấp theo các kịch bản đã có: Xác định đối tượng dễ bị tổn thương ; Đánh giá về cơ sở hạ tầng, số lượng nhà tam, nhà cấp 4, nhà kiên cố hoặc chưa kiên cố, đường giao thông, trường học; các nơi công sở; trạm y tế; Xác định số dân cần sơ tán

Chi tiết về các yếu tố dễ bị tổn thương tham khảo **Bảng 4**.

2.5. Đánh giá năng lực phòng, chống và ứng phó với bão mạnh và siêu bão của cộng đồng.

Xác định rõ các nguồn lực hiện có trong tỉnh và trong dân, những điểm mạnh, điểm yếu, khả năng có thể huy động và ứng phó trong phòng, chống bão mạnh và siêu bão bao gồm:

- Năng lực chỉ huy: Khả năng phối hợp chỉ đạo của các cấp, cơ quan đoàn thể, cá nhân liên quan một cách thống nhất, linh hoạt và hiệu quả trong việc ứng phó với

bão mạnh, siêu bão (Năng lực chỉ đạo triển khai các phương án ứng phó; Năng lực tổ chức di dời, sơ tán dân; Năng lực cứu hộ cứu nạn;...);

- Nguồn lực (nhân lực, tài lực): Con người, cơ sở vật chất và tài chính. Các nguồn nhân lực, tài lực này ở đâu, do đơn vị (cá nhân) nào quản lý, sử dụng để có thể huy động, hoặc điều động tham gia ứng phó;
- Vật tư, thiết bị: Các phương tiện, trang thiết bị huy động để phục vụ ứng phó;
- Hậu cần: Lương thực, thực phẩm, nước uống, thuốc men và các nhu yếu phẩm cần thiết khác để phục vụ ứng phó siêu bão.
- **Cần chú ý đến kế hoạch xin hỗ trợ từ các nguồn khác và hỗ trợ của cấp trên khi vượt quá khả năng của địa phương.**

Chi tiết về nguồn lực tham khảo **Bảng 5**

2.6. Đánh giá mức độ nhận thức của người dân về bão mạnh và siêu bão

Thu thập và phân tích các thông tin về sự hiểu biết của người dân trong công tác phòng, chống bão mạnh, siêu bão và những hành động ứng phó của họ với bão mạnh, siêu bão để có kế hoạch nâng cao nhận thức và tổ chức phòng tránh cho cộng đồng.

2.7. Phân tích rủi ro – Lựa chọn giải pháp.

Phân tích rủi ro do bão mạnh và siêu bão gây ra để lựa chọn và tìm giải pháp phòng chống thích hợp; đồng thời xác định thứ tự ưu tiên thực hiện (lưu ý tới nhóm đối tượng DBTT).

Ví dụ: Rủi ro do bão gây ra có thể là nhà cửa bị tốc mái hoặc sập đổ; người dân bị thiệt mạng hoặc thương tích; thuyền đánh cá bị phá hỏng; cây trồng bị quật ngã, mùa màng thất thu; người dân xây dựng nhà ở những khu vực có nguy cơ xảy ra lũ quét; khu vực có nhiều nhà tạm, nhà cấp 4 trong vùng bão, lũ; ngư dân đánh bắt thủy hải sản thiếu trang thiết bị đảm bảo an toàn...

III. Phương án phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả

Việc ứng phó với bão mạnh và siêu bão (bão từ cấp 12 trở lên) khác với bão thông thường (bão có cấp 11 trở xuống) gồm những điểm sau:

- a) Đối với bão mạnh và siêu bão, ta phải đối phó với 2 vấn đề lớn và nguy hiểm cùng một lúc đó là sức mạnh của **gió và sức mạnh của nước biển dâng cao** tràn sâu vào nội địa nhanh và mạnh **tựa như sóng thần**. Đó là sự khác biệt căn bản với các cơn bão thông thường (xem phần phụ lục số 2).
- b) Theo quy định, siêu bão được xác định là bão từ cấp 16 trở lên. Tuy nhiên với một số vùng có địa hình bằng phẳng như Đồng Bằng Sông Cửu Long hoặc một số vùng không có đê biển, không có cây chắn sóng, không có các cồn cát cao v.v... thì chỉ cần bão mạnh đã gây nguy hiểm như siêu bão. Vì vậy vẫn phải xây dựng phương án ứng phó như bão mạnh và siêu bão.
- c) Xây dựng kịch bản với bão mạnh và siêu bão là nhằm chủ động ứng phó với từng cấp độ rủi ro của bão với từng khu vực, từng vùng khác nhau.

Cùng trong một Tỉnh nhưng nếu bão mạnh hoặc siêu bão đổ bộ vào phía Bắc hoặc phía Nam của tỉnh thì mức độ ngập (diện tích ngập và chiều sâu ngập do nước biển dâng) cũng khác nhau vì vậy việc xây dựng kịch bản và giả định tình huống để xây dựng phương án ứng phó cho phù hợp. Khác với bão thông thường, đối với bão mạnh và siêu bão thì việc tổ chức **sơ tán dân là một trong những nội dung chính** của phương án ứng phó với bão mạnh và siêu bão. Trong đó xác định số dân cần sơ tán và lựa chọn nơi sơ tán phải đủ cao, đủ xa, để bảo đảm an toàn, chống được với cả sức mạnh của gió và nước biển dâng cao, **nhANH và mạnh như sóng thần** là hết sức quan trọng.

- d) Đối với bão thông thường thì các khu nhà kiên cố ven biển có thể chống được với sức mạnh của gió bão, nhưng với bão mạnh và siêu bão thì rủi ro do nước biển dâng nhanh, cao và mạnh **như sóng thần** là rất lớn và không bảo đảm an toàn, vì vậy không được chủ quan trong việc xác định các hộ dân cần phải sơ tán.
- e) Đối với bão thông thường thì tàu thuyền về nơi trú ẩn hoặc các khu neo đậu có thể được coi là đã an toàn nhưng với bão mạnh và siêu bão thì rủi ro vẫn rất cao, tùy theo tình hình nơi neo đậu và nơi trú ẩn để có phương án thiết thực như kéo tàu thuyền sâu vào trong đất liền, đánh chìm hoặc chủ động di chuyển ra ngoài vùng nguy hiểm của bão mạnh và siêu bão.
- f) Đối với bão thông thường thì khi nhận được tin bão còn có một khoảng thời gian nhất định để chuẩn bị, nhưng đối với bão mạnh hoặc siêu bão thì chính quyền địa phương các cấp phải có hành động quyết liệt, mạnh mẽ và kiên quyết vì khác với bão thông thường là nước biển dâng do siêu bão đến nhanh và mạnh **như sóng thần, không có thời gian cho việc triệu tập họp**, thảo luận, bàn cãi, tranh luận mà phải hành động ngay theo các kịch bản, các phương án đã được chuẩn bị và phân công.
- g) Đối với bão thông thường cũng rất cần chủ động xây dựng phương án sơ tán để tránh bị động, lúng túng, bảo đảm an toàn cho dân, nhưng với bão mạnh hoặc siêu bão, trong phương án sơ tán dân cần xây dựng **tỷ mỉ, chi tiết, cụ thể đến từng hoạt động**, cụ thể như sau:
 - Việc lựa chọn và xác định địa điểm sơ tán dân phải bảo đảm an toàn, có đủ sức chứa cho số dân sơ tán đến, đủ điều kiện vệ sinh (nơi nấu ăn, nơi vệ sinh v.v...) thuận tiện cho việc tiếp ứng và cứu trợ.
 - Tuyến đường sơ tán dân phải thông thoáng, các phương tiện có chỗ tránh nhau, không gây ách tắc trong quá trình sơ tán, đặc biệt khâu tổ chức giao thông khi có các phương công cộng và phương tiện cá nhân cùng làm nhiệm vụ sơ tán dân.
 - Phương tiện sơ tán dân phải bảo đảm an toàn, phi kiểm tra từng chi tiết như dầu, mỡ, dây phanh, siết lại các đinh ốc, ốc vít v.v... và phải bố trí đủ phương tiện, bảo đảm sơ tán kịp thời.

- **Bão mạnh và siêu bão có sự phá hoại, tàn phá khác biệt căn bản so với bão thông thường đã xảy ra (Việt Nam chưa hề gặp siêu bão).**
- **Do siêu bão chưa hề xảy ra nên đa số các địa phương chưa có kinh nghiệm cũng như nhận thức đúng đắn trong quá trình chuẩn bị lập phương án phòng tránh, ứng phó.**

Phải chuẩn bị lương thực, thực phẩm nơi sơ tán như: lương thực, nước uống, thiết bị, dụng cụ y tế, khu vệ sinh và vệ sinh môi trường (**chi tiết phân loại bão xem phụ lục 2**)

3.1. Tổ chức phòng ngừa

- a) Hàng năm, dù có hay không có siêu bão xảy ra thì các tỉnh vẫn phải thường xuyên tổ chức tuyên truyền, diễn tập nhằm chủ động và nâng cao ý thức, năng lực của cộng đồng về ứng phó với bão mạnh, siêu bão.
- b) Sau mỗi năm, các cấp phải rà soát, bổ sung và xây dựng các phương án ứng phó; Tiến hành phê duyệt các phương án ứng phó; Tuyên truyền phổ biến phương án trong cộng đồng.
- c) Tăng cường hệ thống thông tin, truyền thông và giáo dục về phòng, chống bão mạnh và siêu bão.
- d) Quy hoạch vùng dân cư và tổ chức sản xuất thích ứng với bão mạnh và siêu bão; rà soát, xác định khu vực nguy hiểm, có kế hoạch di dời dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ nguy hiểm.
- e) Chuẩn bị về nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị và nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó bão mạnh và siêu bão.
- f) Lập kế hoạch nâng cấp trường học, trạm y tế, trụ sở công, nhà văn hóa cộng đồng và công trình công cộng khác (các công trình này cần được kết hợp sử dụng làm địa điểm sơ tán dân khi có bão mạnh và siêu bão).

3.2. Xây dựng phương án ứng phó bão mạnh và siêu bão.

3.2.1. Phương án ứng phó bão mạnh và siêu bão bao gồm một số nội dung chính sau đây:

- a) Bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm như: Đê kè, hồ đập; các đài trạm cảnh báo mưa lũ, đài trạm thu phát thông tin trực tiếp về bão; các công trình và cơ sở kinh tế, an ninh, quốc phòng;...
- b) Trên cơ sở các bản đồ ngập lụt do bão mạnh và siêu bão ứng với các trường hợp do Cục phòng, chống thiên tai cung cấp, trên cơ sở đó địa phương cần **xây dựng các kịch bản hoặc giả định tình huống phù hợp với địa phương** mình để xây dựng phương án và địa điểm sơ tán dân, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ sản xuất.

Địa điểm sơ tán dân phải bảo đảm an toàn, có đủ sức chứa, đủ điều kiện vệ sinh, (Nơi nấu ăn, nơi đi vệ sinh...); thuận tiện cho việc tiếp ứng và cứu trợ.

Tuyến đường sơ tán phải thông thoáng, các phương tiện có chỗ tránh nhau, không gây ách tắc trong quá trình sơ tán.

Phương tiện sơ tán dân phải bảo đảm an toàn, phải được kiểm tra dầu, mỡ, dây phanh, siết lại các đinh ốc, ốc vít ... Phải bố trí đủ phương tiện bảo đảm sơ tán dân kịp thời

Đặc biệt đối với **siêu bão**, địa điểm sơ tán phải là những nơi xây dựng kiên cố, không bị ngập lụt và chịu được sức gió mạnh hàng trăm km/h.

- c) Di chuyển tàu thuyền, phương tiện nuôi trồng thủy sản trên biển, ven biển, trên sông ra khỏi khu vực nguy hiểm; tổ chức kiểm đếm, hướng dẫn tàu thuyền neo đậu hoặc thực hiện biện pháp khác để bảo đảm an toàn. Đặc biệt chú ý đến các tàu thuyền đánh bắt và đang hoạt động ở xa bờ. Đặc biệt đối với **siêu bão** có sức phá hoại cực kỳ lớn, sóng cao. Những nhà cấp 4 hoặc nhà khung có thể bị phá hủy hoàn toàn. Một tỉ lệ cao các khung nhà sắt, khung bê tông của các nhà máy, công xưởng sẽ bị phá hủy với toàn bộ mái và tường sụp đổ. Đối với các tòa nhà lớn, các mái nhà sẽ bị thiệt hại đáng kể, nhiều nhà lớn có thể bị sụp đổ hoàn toàn. **Siêu bão** sẽ gây khốn đốn cho người dân, phần lớn diện tích nhà sẽ không thể ở được trong nhiều tuần, thậm chí nhiều tháng. Vì vậy không được chủ quan trong quá trình chuẩn bị và xây dựng kế hoạch.
- d) Đảm bảo an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc. Cần chú ý đối với **siêu bão**, nhiều trạm chuyên tin có thể bị phá hủy, giao thông có thể bị tê liệt, vì vậy phải có phương án dự phòng đảm bảo giao thông, thông tin liên lạc.
- e) Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy phòng tránh, ứng phó bão mạnh và siêu bão và tìm kiếm cứu nạn. Đối với **siêu bão** cần xây dựng kế hoạch phối hợp tỷ mỉ, cụ thể và phân công rõ trách nhiệm đến từng tổ chức, cá nhân.
- f) Xác định nguồn nhân lực, tài lực ứng phó bão mạnh, **siêu bão**.
- g) Chuẩn bị vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm cho hoạt động ứng phó bão mạnh và siêu bão như **lương thực, nước uống, thiết bị và dụng cụ y tế, vệ sinh môi trường** (theo phương châm bốn tại chỗ: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ; hậu cần tại chỗ). Đặc biệt đối với **siêu bão**, thời gian sử dụng trang thiết bị và nhu yếu phẩm phải có thể mất nhiều ngày vì nhà cửa có thể bị phá hủy nên việc trở về nơi ở cũ không thể thực hiện ngay được.
- h) Đảm bảo vệ sinh môi trường. Đặc biệt chú ý đối với **siêu bão**, những cơ sở **sở sản xuất hóa chất có thể phá hủy, đập hỏng chứa có thể bị hủy hoại và có tác động lâu dài**.
- i) Tổ chức tập huấn, huấn luyện, diễn tập kỹ năng phòng, chống bão mạnh và siêu bão.
- j) Tổ chức thường trực, trực ban cập nhật thông tin diễn biến bão mạnh và siêu bão.

3.2.2. Phương án ứng phó cụ thể với từng giai đoạn của siêu bão:

Tùy vào diễn biến và từng thời điểm của bão để thực hiện những công tác điều hành tương ứng. Đặc biệt chú ý đến các phương tiện, tàu thuyền đánh bắt xa bờ.

- a) Tin bão xa: Các cấp chỉ huy phải cập nhật các thông tin dự báo bão, tiến hành thông báo rộng rãi đến các cấp chính quyền, các bên liên quan, người dân, các chủ tàu thuyền và các phương tiện nuôi trồng thủy sản đang hoạt động trên biển. Nếu là **siêu bão** cần phải thông báo nhấn mạnh đến sức tàn phá do gió, **nước dâng do bão mạnh như sóng thần** và sóng cao có thể.
- b) Tin bão tại biển Đông:
 - Các cấp chỉ huy liên tục cập nhật các thông tin dự báo về hướng di chuyển, cấp độ của bão.

- Ra thông báo, chỉ thị đến các đơn vị, các bên liên quan, đến người dân và các chủ tàu thuyền, phương tiện đang hoạt động trên biển. Đặc biệt chú ý đến những khu vực bão có nguy cơ đổ bộ cao và các vùng lân cận để chuẩn bị sẵn sàng các phương án ứng phó. Đối với **siêu bão**, vùng bão có nguy cơ đổ bộ bị ảnh hưởng rộng lớn, mức độ ngập lụt sâu và rộng, gió cực mạnh, tàu thuyền có thể không chịu được khi neo đậu tại các bến, bãi như trong bão bình thường mà phải đánh chìm hoặc kéo lên bờ hoặc vào rất sâu trong đất liền.

c) Bão gần bờ:

- Tiến hành các phương án bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai và công trình trọng điểm;
- **Chủ động sơ tán**, bảo vệ người, tài sản, bảo vệ tàu thuyền, bảo vệ sản xuất, ưu tiên các khu vực nguy hiểm và các đối tượng dễ bị tổn thương;
- Luôn bảo đảm an ninh trật tự, giao thông, thông tin liên lạc; Phối hợp chỉ đạo, chỉ huy ứng phó và tìm kiếm cứu nạn;
- Triển khai các phương án, huy động nguồn nhân lực, tài lực sẵn sàng ứng phó.
- Đối với **siêu bão**, cần huy động cả hệ thống chính trị và mọi khả năng nguồn lực.

d) Bão đổ bộ vào đất liền:

- Triển khai các lực lượng bảo vệ dân, bảo vệ công trình,
- Đảm bảo an ninh trật tự giao thông, thông tin liên lạc.
- Sẵn sàng tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn.

3.3. Tổ chức khắc phục hậu quả:

3.3.1. Triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, cứu trợ khẩn cấp.

- 1) Tìm kiếm người mất tích. Tiếp tục sơ tán người ra khỏi những khu vực nguy hiểm.
- 2) Cấp cứu kịp thời những người bị thương
- 3) Khôi phục hoặc lập các trạm cấp cứu tạm thời
- 4) Dựng các nhà hay lán trại tạm thời hoặc trưng dụng trụ sở cơ quan, trường học v.v... cho người dân bị mất nhà ở.
- 5) Cấp phát lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, nước sạch và nhu yếu phẩm thiết yếu cho người bị nạn.
- 6) Khôi phục các cơ sở hạ tầng thiết yếu như: Điện, nước, thông tin, giao thông, trường học, công sở v.v...
- 7) Làm sạch môi trường và phòng chống dịch bệnh.
- 8) Tổ chức phục hồi sản xuất.

3.3.2. Thống kê, đánh giá thiệt hại, nhu cầu cần cứu trợ

a) Đánh giá thiệt hại: (Tham khảo thông tư mới)

- 1) Thống kê đánh giá thiệt hại về người
- 2) Tài sản về nhà ở
- 3) Y tế, giáo dục, văn hóa
- 4) Về nông, lâm, diêm nghiệp, chăn nuôi, thủy hải sản.
- 5) Các công trình thủy lợi, giao thông, thông tin liên lạc v.v... (chi tiết xem **Bảng 7**)

b) Nhu cầu cứu trợ:

- 1) Thiết yếu cho dân: thuốc men, lương thực
- 2) Hạ tầng cơ sở thiết yếu như cơ sở y tế, trường học (Chi tiết xem **Bảng 7**)

3.3.3. Khôi phục sản xuất (các lĩnh vực và toàn xã hội).

- 1) Phục hồi sản xuất trong tất cả các lĩnh vực, đặc biệt chú ý trong nông nghiệp (giống, cây trồng, vật nuôi v.v...), thủy hải sản (phương tiện đánh bắt), giao thông vận tải (phương tiện vận tải), công nghiệp.
- 2) Sửa chữa, khôi phục, nâng cấp công trình phòng chống thiên tai, giao thông, thông tin, thủy lợi, điện lực, trường học, cơ sở y tế, cơ sở văn hóa và công trình hạ tầng công cộng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ỨNG PHÓ BẢO MẠNH VÀ SIÊU BẢO

4.1. Phân công trách nhiệm và tổ chức thực hiện

Xác định rõ trách nhiệm, phân công cụ thể cho các tổ chức, đoàn thể và các cá nhân thực hiện phương án ứng phó siêu bão:

- a) **Chủ tịch UBND phân công cụ thể người phát ngôn về tình trạng bảo mạnh, siêu bão.**
- b) Chủ tịch UBND các tỉnh chỉ đạo hoàn thiện, phê duyệt phương án ứng phó và tổ chức thực hiện.
- c) Phân công cụ thể và xác định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân liên quan.
- d) Tổ chức hội nghị triển khai và thông báo cho các tổ chức, đoàn thể và người dân về Phương án đã được phê duyệt. Đồng thời giải trình các hạng mục mà tổ chức, cá nhân đề nghị nhưng chưa đưa vào phương án.
- e) Huy động các tổ chức, đoàn thể và người dân cùng tham gia thực hiện các hoạt động theo phương án.
- f) Tổ chức thông tin, tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức cộng đồng; tổ chức thường trực, cập nhật thông tin diễn biến bão mạnh và siêu bão.

4.2. Xác định nguồn lực để thực hiện phương án ứng phó

Cần xác định nguồn lực để ứng phó khi bão mạnh và siêu bão xảy ra như đã nêu ở trên. Trong trường hợp năm đó không có bão mạnh và siêu bão xảy ra thì vẫn phải xác định nguồn lực để thực hiện phương án ứng phó này cho các hoạt động như tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức, diễn tập, tập huấn,... Bao gồm một số nguồn lực chủ yếu sau:

- a) Tổ chức, đoàn thể, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh là lực lượng tại chỗ thực hiện phương án ứng phó bão mạnh và siêu bão.
- b) Các nguồn lực từ các tổ chức chính trị xã hội trong tỉnh; ví dụ: Quân đội, công an, lực lượng dân quân tự vệ, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh, Hội chữ thập đỏ,...
- c) Các nguồn vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm trong cộng đồng.
- d) Hệ thống thông tin, truyền thông công cộng. **Đối với siêu bão, cần có phương tiện thông tin liên lạc dự phòng để đảm bảo thông tin liên lạc luôn được thông suốt.**
- e) Quỹ phòng, chống thiên tai. Cần đặc biệt chú ý đối với trường hợp **siêu bão**, quỹ dự phòng, chống thiên tai cần đảm bảo duy trì trong thời gian dài hơn.
- f) Các nguồn đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân.
- g) Các nguồn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước và các tổ chức khác v.v...

4.3. Xây dựng tiến độ thực hiện, theo dõi, giám sát, đánh giá

Cần xác định rõ thời gian cho từng hoạt động, như: Thời gian diễn tập; thời gian hoàn thành việc thành lập Ban chỉ huy ứng phó với bão mạnh, siêu bão và tìm kiếm cứu nạn các cấp; thời gian hoàn thành việc giám sát, đánh giá;...

4.4. Tổng kết báo cáo rút kinh nghiệm, cập nhật và chuẩn bị kế hoạch cho năm sau và những năm tiếp theo

- a) Nêu ra được những bài học cần rút kinh nghiệm; những thông tin cần thiết phải cập nhật bổ sung; những hoạt động cần phải điều chỉnh, sửa chữa cho phù hợp...
- b) Biểu dương, khen thưởng những tập thể, cá nhân xuất sắc và kỷ luật (nếu có) những tập thể, cá nhân vi phạm; Nhân rộng các điển hình tiên tiến, tham khảo chia sẻ thông tin với các đơn vị bạn và toàn cộng đồng.
- c) Đề xuất kiến nghị với cấp có thẩm quyền giải quyết những việc còn tồn đọng.
- d) Góp ý cho cấp trên về những chỉ đạo điều hành chưa hợp lý trong công tác ứng phó siêu bão.

*** Ghi chú:** Một số nội dung, thông tin trong “Phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão” có thể được thể hiện dưới hình thức các bảng và phụ lục như sau:

Bảng 1: Đặc điểm tự nhiên

Bảng 2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế- xã hội và cơ sở hạ tầng.

Bảng 3. Tình hình bão mạnh và siêu bão gần đây (từ 5-10 năm)

Bảng 4: Các yếu tố dễ bị tổn thương

Bảng 5 Nguồn lực

Bảng 6. Một số hoạt động cụ thể

Bảng 7. Tổng hợp các chỉ tiêu chính thiệt hại do bão gây ra năm

Phụ lục 1: Kịch bản đã công bố của Bộ TNMT, Bộ NN&PTNT (cấp bão, ngập lụt).

Phụ lục 2: Quy định về cấp gió và cấp sóng.

Bảng 1: Đặc điểm tự nhiên

STT	Tên mục	Nội dung	Ghi chú
I	Vị trí địa lý	Phía Bắc giáp:.... Phía Nam giáp:.... Phía Đông giáp:.... Phía Tây giáp:....	
II	Địa hình	-Đồng bằng -Vùng ven biển -Vùng trũng -Miền núi -Trung du...	
III	Sông ngòi	-Hệ thống sông lớn chảy qua: -Đặc điểm sông: ...	
IV	Đất đai	-Tổng diện tích đất tự nhiên:... ha -Đất thổ cư:...ha -Đất nông nghiệp:...ha +Đất trồng lúa:...ha +Đất trồng cây:...ha +Đất rừng:...ha +Đất nuôi trồng thủy sản:...ha +Đất khác:...	

Bảng 2. Đặc điểm dân sinh, kinh tế- xã hội và cơ sở hạ tầng.

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn tỉnh	Phân chia theo huyện					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Dân cư								
1	Tổng số hộ	Hộ							
2	Tổng số dân	Người							
	<i>Nam</i>	Người							
	<i>Nữ</i>	Người							
3	Cơ cấu độ tuổi								
	<i>Trẻ em (Dưới 16 tuổi)</i>	Người							
	<i>Thanh niên và Trung niên (Từ 16-60 tuổi)</i>	Người							
	<i>Người già (Trên 60 tuổi)</i>	Người							
4	Số lao động trong độ tuổi								
	<i>Nam (16-60)</i>	Người							
	<i>Nữ (16-55)</i>	Người							
5	Dân tộc								
	<i>Kinh</i>	Người							
	<i>Khác</i>	Người							
	...								
6	Tôn giáo								
II	Ngành nghề chính/Nguồn thu nhập								
1	Nông nghiệp								
	<i>Diện tích trồng trọt</i>	ha							
	<i>Số lượng gia súc, gia cầm...</i>	con							
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
2	Lâm nghiệp								
	<i>Diện tích trồng rừng</i>	ha							
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
3	Nuôi trồng thủy hải sản, đánh bắt cá								
	<i>Diện tích nuôi trồng thủy hải sản</i>	ha							
	<i>Số lao động trong ngành</i>	Người							
	...								
4	Công nghiệp								

	Số lao động trong ngành	Người								
	...									
5	Tiểu thủ công nghiệp									
	Số hộ gia đình trong ngành	Hộ								
6	Nghề khác									
	...									
III	Cơ sở hạ tầng, vật chất									
1	Công trình công cộng (có thể tận dụng làm nơi trú ẩn an toàn)									
	Trường học	Cái								
	Trạm y tế	Cái								
	Hội trường, nhà văn hóa	Cái								
	...									
2	Nhà ở									
	Nhà kiên cố (có thể tận dụng làm nơi trú ẩn an toàn)	Cái								
	Nhà tạm, dễ sập	Cái								
	Nhà ven sông	Cái								
	Nhà ven núi	Cái								
									
3	Hệ thống giao thông									
	Đường đất	Km								
	Đường bê tông	Km								
	Cầu cống kiên cố	Km								
	...									
4	Hệ thống thủy lợi									
	Đê	Km								
	Hồ chứa	Cái								
	Kênh mương	Km								
	...									
5	Hệ thống đường điện									
	Trạm biến áp	Cái								
	Đường dây điện	Km								
	...									
6	Hệ thống nước sinh hoạt									
	Công trình nước sạch	Cái								
	Giếng nước sạch	Cái								
	...									

7	Hệ thống thông tin liên lạc								
	<i>Trạm phát thanh</i>	Cái							
	<i>Loa phóng thanh</i>	Cái							
	...								

Bảng 3. Tình hình bão mạnh và siêu bão gần đây (từ 5-10 năm)

STT	Tên bão	Thời gian xảy ra	Khu vực bị ảnh hưởng	Thiệt hại	Bài học kinh nghiệm nhằm giảm thiệt hại	Ghi chú
1	Bão xx	Tháng... năm...	Huyện... Khu vực 1..... Khu vực 2.....	- Số người chết, bị thương - Số nhà sập, tốc mái, phương tiện, tàu thuyền mất tích. - Giảm năng suất và thiệt hại về cây trồng, vật nuôi. - Gia súc-gia cầm chết, bị cuốn trôi - Hư hỏng sản phẩm sản xuất - Diện tích canh tác bị ngập úng, hóa mặn. ...	- Xây dựng phương án ứng phó bão mạnh cần phải cụ thể, chi tiết và sát thực hơn,... - Cảnh báo bão mạnh sớm - Tổ chức di dời dân - Chằng chống nhà cửa, cơ sở vật chất - Neo đậu tàu thuyền ...	
2						
3						

Bảng 4: Các yếu tố dễ bị tổn thương

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn tỉnh	Phân chia theo huyện					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Con người								
1	Trẻ em	Người							
2	Người già	Người							
3	Người khuyết tật	Người							

4	Phụ nữ mang thai, nuôi con dưới 12 tháng tuổi	Người							
5	Phụ nữ đơn thân	Người							
6	Số hộ nghèo	Hộ							
7	Người bị bệnh hiểm nghèo	Người							
8	Số người bị sơ tán, di dời trước thiên tai	Người							
II	Cơ sở hạ tầng								
1	Nhà tạm, dễ sập	Cái							
2	Nhà ven sông, ven suối	Cái							
3	Nhà ven núi, sườn đồi, mái dốc	Cái							
	...								
III	Sản xuất								
1	Vùng dễ bị ngập lụt	ha							
2	Vùng dễ bị hạn hán	ha							
	...								

Bảng 5 Nguồn lực

STT	Tên mục	Đơn vị	Tổng toàn tỉnh	Phân chia theo huyện					Ghi chú
				1	2	3	4	...	
I	Con người								
1	Ban chỉ huy các cấp Thành phần:	Người							
2	Lực lượng cơ động Thành phần:	Người							
3	Lực lượng thanh niên xung kích Thành phần:	Người							
4	Lực lượng dự bị động viên Thành phần:	Người							
5	Lực lượng dân quân Thành phần:	Người							
6	Lực lượng cứu hộ cứu nạn Thành phần:	Người							
7	Lực lượng y tế	Người							
	...								
II	Cơ sở hạ tầng								

1	Đường bê tông, đường di tản an toàn	Km							
2	Nhà kiên cố là nơi trú ẩn an toàn	Cái							
3	Hệ thống đê bao, bờ bao	Km							
	...								
III	Vật tư, phương tiện, trang thiết bị, hậu cần								
1	Trang thiết bị cứu hộ cứu nạn								
	Ô tô	Cái							
	Xe máy	Cái							
	Thuyền máy	Cái							
	Thuyền cứu hộ	Cái							
	Áo phao	Cái							
	Phao cứu sinh	Cái							
	...								
2	Hệ thống thông tin liên lạc								
	Trạm phát thanh	Cái							
	Loa phóng thanh	Cái							
	Điện thoại liên lạc	Cái							
	...								
3	Vật tư dự trữ								
	Tre, nứa...	Cây							
	Bao tải cát, rọ thép	Cái							
	Bạt	Cái							
	Dây buộc	Cuộn							
	Cát, đá, sỏi	Tấn							
	...								
4	Lương thực, thực phẩm dự trữ								
	Gạo	Kg							
	Nước uống	Lít							
	Mì tôm	Thùng							
	...								
5	Dụng cụ y tế								
	Hộp thuốc dự phòng	Cái							
	...								

Bảng 6. Một số hoạt động cụ thể

STT	Hoạt động	Đơn vị	Thời gian	Số lượng	Địa điểm	Tổng toàn tỉnh	Phân chia theo huyện					Ghi chú
							1	2	3	4	...	
1	Tổ chức phòng ngừa											
	Số buổi tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức cộng đồng	Buổi										
	Số người được tuyên truyền, phổ biến kiến thức nâng cao nhận thức cộng đồng	Người										
	Các tin được phát trên trạm phát thanh, loa đài	Lần										
	Tổ chức diễn tập	Lần										
	...											
2	Hoạt động ứng phó											
	Số nhà cửa được chằng chống	Cái										
	Sơ tán, di dời dân	Người										
	Neo đậu tàu thuyền	Chiếc										
											
3	Tổ chức khắc phục hậu quả											
	Tổ chức tìm kiếm cứu nạn	Đợt										
	Tổ chức cứu trợ	Đợt										
											

Bảng 7. Tổng hợp các chỉ tiêu chính thiệt hại do bão gây ra năm

TT	MÃ	CHỈ TIÊU THIẾT HẠI	ĐƠN VỊ	Tổng	
				Số lượng	Ước thiệt hại (triệu đồng)
1	NG	THIỆT HẠI VỀ NGƯỜI			
1.1	NG01	Số người chết:	người		x
1.2	NG02	Số người mất tích	người		x
1.3	NG03	Số người bị thương	người		x
2	NH	THIỆT HẠI VỀ NHÀ Ở	triệu đồng	x	
2.1	NH01	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	cái		
2.2	NH02	Hư hỏng khác (≤70%)	cái		
3	GD	THIỆT HẠI VỀ GIÁO DỤC	triệu đồng	x	
3.1	GD01	Số điểm/trường bị ảnh hưởng	điểm		x
3.2	GD02	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên bị thiệt hại hoàn toàn (>70%)	cái		
3.3	GD021	Phòng học, phòng chức năng công vụ, nhà ở tập thể, nhà bán trú cho học sinh/sinh viên/học viên bị hư hỏng (≤70%)	cái		
4	YT	THIỆT HẠI VỀ Y TẾ	triệu đồng	x	
4.1	YT01	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế) bị thiệt hại hoàn toàn (>70%)	cái		
4.2	YT011	Số cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế) bị hư hỏng (≤70%)	cái		
5	VH	THIỆT HẠI VỀ VĂN HÓA	triệu đồng	x	
5.1	VH01	Thiệt hại hoàn toàn (trên 70%)	cái		
5.2	VH02	Hư hỏng khác (≤70%)	cái		

6	NLN	THIỆT HẠI VỀ NÔNG, LÂM, DIÊM NGHIỆP	triệu đồng	x	
6.1	NLN01	Diện tích lúa mất trắng (>70%)	ha		
6.2	NLN02	Diện tích lúa bị ảnh hưởng (≤70%)	ha		
6.3	<i>NLN09</i> 1	Diện tích rừng bị ảnh hưởng	<i>ha</i>		
6.4	NLN15	Diện tích ruộng muối bị hư hỏng	ha		
7	CHN	THIỆT HẠI VỀ CHĂN NUÔI	triệu đồng	x	
7.1	CHN1	Gia súc, gia cầm bị chết, cuốn trôi	con		
8	TL	THIỆT HẠI VỀ THỦY LỢI	triệu đồng	x	
8.1	TL01	Đê từ cấp III đến cấp đặc biệt bị sạt, vỡ	<i>m</i>		
8.2	TL02	Đê từ cấp IV trở xuống, đê bồi, bờ bao bị sạt, vỡ	<i>m</i>		
8.3	TL03	Kè bị sạt lở	<i>m</i>		
8.4	TL04	Cống, bọng bị hư hỏng, cuốn trôi	<i>cái</i>		
8.6	TL06	Số trạm bơm bị hư hỏng	<i>cái</i>		
9	GT	THIỆT HẠI VỀ GIAO THÔNG	triệu đồng	x	
9.1	GT01	Đường giao thông Trung ương (quốc lộ)			
9.1.1	<i>GT011</i>	<i>Chiều dài sạt lở, hư hỏng</i>	<i>m</i>		<i>x</i>
9.1.4	<i>GT014</i>	<i>Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại</i>	<i>m³</i>		
9.1.5	<i>GT015</i>	<i>Cầu, cống bị hư hỏng</i>	<i>cái</i>		
9.2	GT02	Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, đường huyện, đường xã)			
9.2.1	<i>GT021</i>	<i>Chiều dài sạt lở, hư hỏng</i>	<i>m</i>		<i>x</i>
9.2.4	<i>GT024</i>	<i>Khối lượng đất, đá, bê tông, nhựa đường các loại</i>	<i>m³</i>		
9.2.5	<i>GT025</i>	<i>Cầu, cống bị hư hỏng</i>	<i>cái</i>		
10	TS	THIỆT HẠI VỀ THỦY SẢN	triệu đồng	x	
10.1	TS01	Diện tích nuôi ao, hồ bị thiệt hại	ha		

10.2	TS02	Lồng, bè nuôi thủy, hải sản các loại bị thiệt hại	100m ³ /đ ng		
10.3	TS03	Phương tiện khai thác thủy, hải sản bị chìm, vỡ, trôi	chiếc		
10.4	TS04	Công trình tránh trú bão bị hư hỏng	công trình		
11	TT	THIỆT HẠI VỀ THÔNG TIN LIÊN LẠC	triệu đồng	x	
11.1	TT01	Cột Ăng ten bị đổ, gãy	cái		
11.2	TT02	Cột treo cáp bị đổ, gãy	cái		
11.3	TT03	Nhà trạm bị hư hỏng	cái		
12	CN	THIỆT HẠI VỀ CÔNG NGHIỆP	triệu đồng	x	
12.1	CN01	Cột điện bị đổ, gãy	cái		
12.2	CN03	Trạm biến thế bị hư hỏng	cái		
12.3	CN06	Nhà xưởng, xí nghiệp, công trình công nghiệp bị hư hỏng	cái		
13	XD	THIỆT HẠI VỀ XÂY DỰNG	triệu đồng	x	
13.1	XD01	Các công trình đang thi công bị hư hỏng	triệu đồng	x	
13.2	XD02	Máy móc, thiết bị xây dựng bị hư hỏng	triệu đồng	x	
14	MT	THIỆT HẠI VỀ NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG	triệu đồng	x	
15	CT	THIỆT HẠI VỀ CÁC CÔNG TRÌNH KHÁC	triệu đồng	x	
15.1	CT01	Trụ sở cơ quan bị hư hỏng	cái		
15.2	CT02	Chợ, trung tâm thương mại bị hư hỏng	cái		
15.3	CT03	Nhà kho, phân xưởng bị hư hỏng	cái/m ²		
15.4	CT06	Công trình quốc phòng, an ninh và các công trình phòng chống thiên tai khác bị thiệt hại	công trình		
16		CÁC LOẠI THIẾT HẠI KHÁC (*)			
		TỔNG	triệu đồng	x	

Phụ lục 1: Kịch bản đã công bố của Bộ TNMT, Bộ NN&PTNT (cấp bão, ngập lụt).

Kịch bản về ngập lụt: Căn cứ Quyết định 1857/QĐ- BTNMT về việc phê duyệt và công bố kết quả phân vùng bão và xác định nguy cơ bão nước dâng do bão cho khu vực ven biển Việt Nam.

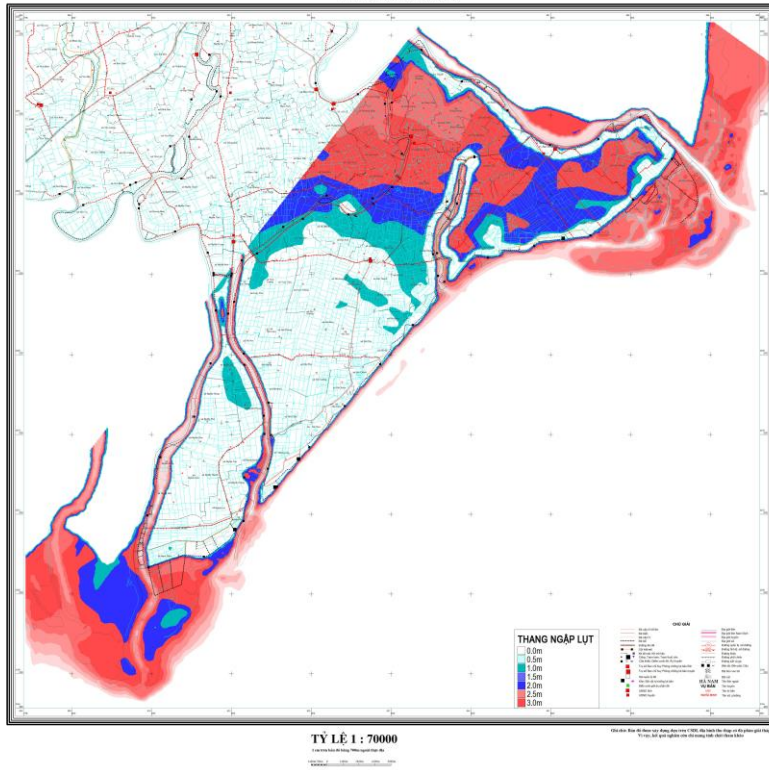
Vùng ven biển	Ba tháng nhiều bão nhất	Số cơn bão trung bình năm (cơn)	Lượng mưa 1 ngày lớn nhất đã xảy ra (mm)	Cấp bão đã ghi nhận	Nguy cơ bão	Nguy cơ gió bão mạnh nhất (m/s)
Vùng I: Quảng Ninh - Thanh Hóa	VI, VII, VIII	1,0 - 1,5	470	cấp 15	cấp 15, cấp 16	50 - 60
Vùng II: Nghệ An - Thừa Thiên Huế	VIII, IX, X	1,0 - 1,5	790	cấp 13	cấp 15, cấp 16	60 - 70
Vùng III: Đà Nẵng - Bình Định	X, XI	0,2 - 1,0	590	cấp 13	cấp 15, cấp 16	60 - 70
Vùng IV: Phú Yên - Khánh Hòa	XI, XII	ít hơn vùng III	470	cấp 13	cấp 14, cấp 15	60 - 65
Vùng V: Ninh Thuận - Cà Mau	XI, XII, tháng I năm sau	ít nhất trong các vùng	180	cấp 10	cấp 12, cấp 13	60 - 65

Trong đó, các phương án cần đảm bảo xây dựng từ phương án nguy cơ bão lớn nhất lấy xuống 3 cấp đối với triều cường và 1 cấp đối với triều trung bình.

Ví dụ:

- **Kịch bản 1:** Ngập lụt do bão cấp 16, cấp 15, cấp 14, cấp 13 kết hợp triều cường, dòng chảy và mưa trung bình ở thượng lưu.
- **Kịch bản 2:** Ngập lụt do bão cấp 13 kết hợp triều trung bình, dòng chảy và mưa trung bình ở thượng lưu.
- ...

BẢN ĐỒ NGẬP LỤT DO BÃO MẠNH VÀ SIÊU BÃO - TỈNH NAM ĐỊNH
CẤP 16 - TRIỀU CƯỜNG



Bản đồ ngập lụt do bão cấp 16 triều cường ven biển tỉnh Nam Định (Ví dụ minh họa).

Phụ lục 2: Quy định về cấp gió và cấp sóng.

Theo Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ Quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai, tại: Bão là một xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 trở lên và có thể có gió giật. Bão có sức gió mạnh nhất từ cấp 10 đến cấp 11 gọi là bão mạnh, từ cấp 12 đến cấp 15 gọi là bão rất mạnh, từ cấp 16 trở lên gọi là siêu bão (xem bảng 2.1. 2.2).

Bảng 2.1. Cấp gió và cấp sóng (Theo Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ).

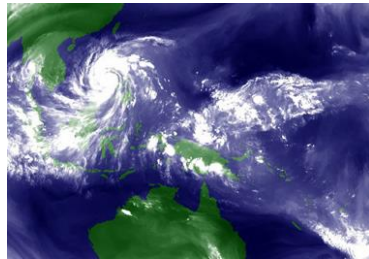
Cấp gió	Tốc độ gió		Độ cao sóng trung bình	Mức độ nguy hại	
	Bô-pho	m/s			km/h
0		0 – 0,2	< 1	-	Gió nhẹ Không gây nguy hại
1		0,3 – 1,5	1 – 5	0,1	
2		1,6 – 3,3	6 – 11	0,2	
3		3,4 – 5,4	12 - 19	0,6	
4		5,5 – 7,9	20 – 28	1,0	- Cây nhỏ có lá bắt đầu lay động, ảnh hưởng đến lúa đang phơi màu - Biển hơi động. Thuyền đánh cá bị chao nghiêng, phải cuốn bốt buồm
5		8,0 – 10,7	29 - 38	2,0	
6		10,8 – 13,8	39 – 49	3,0	- Cây cối rung chuyển. Khó đi ngược gió. - Biển động. Nguy hiểm đối với tàu, thuyền.
7		13,9 – 17,1	50 - 61	4,0	
8		17,2 – 20,7	62 – 74	5,5	- Gió làm gãy cành cây, tốc mái nhà gây thiệt hại về nhà cửa. Không thể đi ngược gió. - Biển động rất mạnh. Rất nguy hiểm đối với tàu, thuyền
9		20,8 – 24,4	75 - 88	7,0	
10		24,5 – 28,4	89 – 102	9,0	- Làm đổ cây cối, nhà cửa, cột điện. Gây thiệt hại rất nặng. - Biển động dữ dội. Làm đắm tàu biển
11		28,5 – 32,6	103 - 117	11,5	
12		32,7 – 36,9	118 – 133	14,0	- Sức phá hoại cực kỳ lớn. - Sóng biển cực kỳ mạnh. Đánh đắm tàu biển có trọng tải lớn
13		37,0 – 41,4	134 – 149		
14		41,5 – 46,1	150 – 166		
15		46,2 – 50,9	167 – 183		
16		51,0 – 56,0	184 – 201		
17		56,1 – 61,2	202 - 220		

Bảng 2.2. Bảng phân loại cấp gió bão (Theo Tổ chức khí tượng thế giới – WMO).

TT	Phân loại cấp bão theo Tổ chức khí tượng thế giới – WMO	Tốc độ gió cực đại vùng gần tâm bão, trung bình trong 10'	
		(knots)	(km/h)
1	ATNĐ (Tropical Depression)	17-33	52 - 61
2	Bão (Tropical Storm)	34-47	62 - 88
3	Bão mạnh (Severe Tropical Storm)	48-63	89 - 118
4	Bão rất mạnh (Very severe cyclonic storm)	64-119	119 - 221
5	Siêu bão (Super storm)	Từ 120 trở lên	Từ 222 trở lên

**TỔNG CỤC THỦY LỢI
TRUNG TÂM PHÒNG TRÁNH VÀ GIẢM NHẸ THIÊN TAI**

**HƯỚNG DẪN
“SỬ DỤNG BẢN ĐỒ NGẬP LỤT”**



Những người thực hiện chính:

TT	Họ và tên	Vị trí
1	PGS.TS. Trương Văn Bốn	Tổ trưởng
2	ThS. Đoàn Tiến Hà	Tổ phó
3	ThS. Vũ Văn Ngọc	Thành viên
4	ThS. Mạc Văn Dân	Thành viên
5	ThS. Lý Thị Minh Phương	Thành viên
6	TS. Vũ Văn Tú	Chuyên gia
7	TS. Nguyễn Đức Phúc	Chuyên gia
8	TS. Lương Tuấn Minh	Chuyên gia
9	TS. Nguyễn Đăng Giáp	Chuyên gia

Hà Nội, 2015

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	63
PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU	66
1.1. Cơ sở xây dựng tài liệu hướng dẫn	66
1.2. Mục đích sử dụng tài liệu.....	66
1.3. Đối tượng sử dụng tài liệu.....	67
PHẦN II: SO LƯỢC VỀ BẢN ĐỒ NGẬP LỤT	68
2.1. Mục tiêu xây dựng bản đồ ngập lụt.....	68
2.2. Cấu tạo bản đồ ngập lụt.....	68
2.3. Yêu cầu của bản đồ ngập lụt	68
2.4. Quy trình xây dựng bản đồ.....	69
PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BẢN ĐỒ NGẬP LỤT	70
3.1. Quy định chung	70
3.2. Hệ thống các ký hiệu bản đồ nền	72
3.3. Giải thích hệ thống ký hiệu bản đồ nền.....	77
3.4. Phổ màu thể hiện mức độ ngập lụt.....	81
3.5. Hướng dẫn sử dụng bản đồ đơn giản dành cho người dân địa phương	82

Hiện nay, hiện tượng bão ngày càng có xu hướng diễn biến phức tạp, gia tăng về cường độ cũng như số lượng các cơn bão trong năm. Điều này có thể chứng minh qua thực tế cơn bão Hai Yan tháng 11/2013 với vận tốc gió lớn nhất khoảng 230km/h đã đổ bộ vào Philippines gây thiệt hại lớn về người và của, ước tính có khoảng 6.300 người thiệt mạng. Bão với sức gió mạnh kèm theo sóng lớn và nước dâng gây ra ngập lụt, phá hủy các cơ sở hạ tầng, gây thiệt hại tính mạng người dân những vùng bão đi qua nếu không có sự chuẩn bị ứng phó. Do vậy, tại Việt Nam đã triển khai dự án tính toán xây dựng bản đồ ngập lụt do bão mạnh và siêu bão tại các tỉnh ven biển. Đây là cơ sở cho việc quy hoạch, quản lý cũng như xây dựng các phương án ứng phó với thiên tai.

Nằm trong dự án *“Tăng cường năng lực thể chế cho quản lý thiên tai rủi ro tại Việt Nam, đặc biệt các thiên tai có liên quan tới biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2012 – 2016 – SCDMII”*, cuốn tài liệu này được xây dựng nhằm mục đích hỗ trợ các tỉnh ven biển kỹ năng đọc bản đồ ngập lụt, làm cơ sở cho công tác xây dựng các phương án ứng phó với bão mạnh, siêu bão.

Một số thuật ngữ liên quan:

- Bão: là xoáy thuận nhiệt đới có sức gió mạnh nhất từ cấp 8 đến cấp 9 và có thể có gió giật.
- Bão mạnh (và rất mạnh): là bão có sức gió mạnh nhất từ cấp 10 đến cấp 15.
- Siêu bão: là bão có sức gió mạnh nhất từ cấp 16 trở lên.
- Mực nước: độ cao của mặt nước so với mức 0 của thủy chuẩn quy định của trạm quan trắc, tính bằng m (hoặc cm).
- Mực nước trung bình: giá trị nhận được sau khi lấy trung bình các giá trị mực nước trong khoảng thời gian nhất định như ngày, tháng, năm, nhiều năm.

- Nước dâng: độ chênh lệch mực nước của biển hoặc thủy vực khi có gió thổi, so với mực nước ban đầu. Trong thủy vực có thủy triều, nước dâng là độ chênh lệch mực nước tổng hợp so với mực nước thủy triều.
- Nước dâng do bão: nước dâng lên do tác động trực tiếp của gió và áp suất khí quyển trong bão.
- Nước dâng do bão lớn nhất: giá trị lớn nhất của nước dâng do bão trong suốt thời gian ảnh hưởng của bão.
- Bản đồ ngập lụt: là loại bản đồ chuyên đề trên đó thể hiện các vùng ngập, độ sâu ngập. Bản đồ ngập lụt thể hiện vùng có nguy cơ bị ngập, tương ứng với các kịch bản nước dâng do bão mạnh, siêu bão. Bản đồ ngập lụt lập dựa trên kết quả khảo sát thực địa, mô phỏng, tính toán bằng các mô hình thủy văn, thủy động lực.
- Hệ đơn vị sử dụng: SI (m-s-kg).

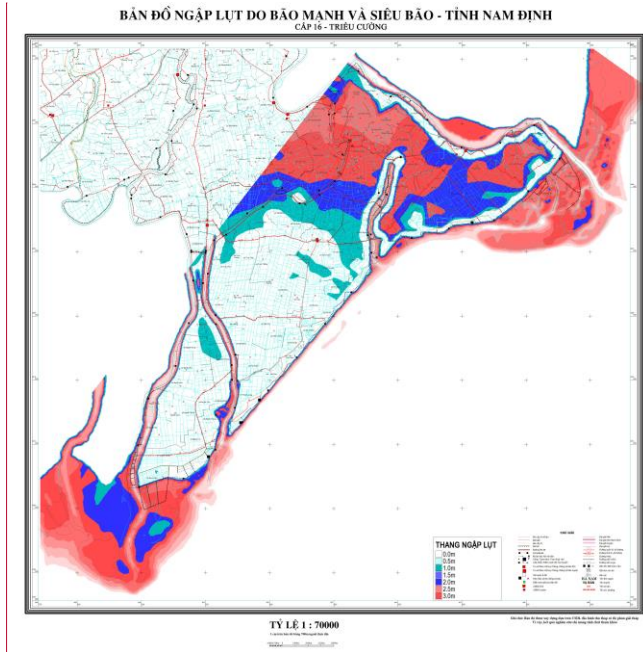
PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ TÀI LIỆU

1.1. Cơ sở xây dựng tài liệu hướng dẫn

- Quyết định số 3568 /QĐ-BNN-TCTL ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Hướng dẫn xây dựng bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong tình huống bão mạnh, siêu bão.
- Quyết định số 3587/QĐ-BNN-TCTL ngày 04/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
- Xây dựng bản đồ ngập lụt hạ du hồ chứa trong các tình huống xả lũ khẩn cấp và vỡ đập.
- Quyết định số 23/2007/QĐ-BTNMT ngày 17 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Bản đồ địa chính.

1.2. Mục đích sử dụng tài liệu

Tài liệu được sử dụng nhằm hỗ trợ công tác đọc hiểu và phân tích bản đồ ngập lụt do nước biển dâng trong bão mạnh và siêu bão (Hình 1) làm căn cứ xây phương án ứng phó đối khi xảy ra bão mạnh, siêu bão của các địa phương ven biển.



Commented [SCD1]: Chọn hình đẹp hơn

Hình 1: Bản đồ ngập lụt do bão cấp 16 triều cường ven biển tỉnh Nam Định (Ví dụ minh họa).

1.3. Đối tượng sử dụng tài liệu

- Các nhà quản lý từ cấp Tỉnh trở lên Trung Ương.
- Người dân địa phương, các hộ cơ sở thôn xã, những nguồn lực trực tiếp tổ chức thực hiện phương án.

Commented [SCD2]: Đối tượng dân

PHẦN II: SƠ LƯỢC VỀ BẢN ĐỒ NGẬP LỤT

2.1. Mục tiêu xây dựng bản đồ ngập lụt

- Xác định diện tích ngập, độ sâu ngập, thời gian ngập tương ứng với các kịch bản đã tính toán;
- Làm cơ sở lập bản đồ sơ tán dân;
- Làm cơ sở để xây dựng các phương án phòng, chống thiên tai;
- Làm tư liệu phục vụ cho quy hoạch phát triển dân sinh - kinh tế, quản lý sử dụng đất đai.

2.2. Cấu tạo bản đồ ngập lụt

Bản đồ ngập lụt bao gồm hai lớp chính: lớp bản đồ nền cơ sở địa lý và lớp chuyên ngành thể hiện ngập lụt bằng phổ màu.

2.3. Yêu cầu của bản đồ ngập lụt

- Các đối tượng trên bản đồ phải bảo đảm tính chính xác địa lý;
- Bản đồ ngập lụt cần bao trùm phạm vi vùng có nguy cơ bị ngập, tương ứng với các kịch bản tính toán;
- Bản đồ cần thể hiện được ranh giới hành chính, các làng mạc, đô thị, các cơ sở kinh tế và công trình quan trọng;
- Bản đồ ngập lụt cần được xây dựng với tỉ lệ từ 1:2.000 đến 1:10.000 hoặc chi tiết hơn;
- Bản đồ ngập lụt thể hiện diện tích ngập lụt lớn nhất theo từng kịch bản;
- Bản đồ ngập lụt cho các đối tượng sử dụng: Trung ương, Tỉnh, Huyện, Xã, người dân;

- Bảng kê diện tích ngập lớn nhất theo độ sâu ngập; thời điểm bắt đầu ngập cho từng xã trong khu vực bị ngập, tổng diện tích ngập của từng đơn vị hành chính, xã, huyện, tỉnh; diện tích ngập của các loại sử dụng đất (nông nghiệp, đất ở, đất khác), v.v...;
- Tổng hợp, phân tích đánh giá tình hình ngập lụt, vùng và đối tượng bị ảnh hưởng, diện tích ngập lụt.

2.4. Quy trình xây dựng bản đồ

- Trích xuất các thông tin về mực nước và dòng chảy từ kết quả của các mô hình thủy động lực;
- Sử dụng công cụ, phần mềm để nhập các trường thông tin thành các lớp chuyên ngành tương ứng, theo cùng hệ quy chiếu với bản đồ nền (VN2000);
- Bản đồ chuyên đề được tạo thành bằng cách chồng ghép lớp chuyên ngành với một hoặc các lớp cơ sở trên bản đồ nền;
- Sử dụng thang màu theo quy định đối với bản đồ chuyên ngành;
- Đối với bản đồ mực nước và dòng chảy cần thể hiện trường vec-tơ vận tốc (hướng và độ lớn) dạng mũi tên trên bản đồ;

PHẦN III: HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG BẢN ĐỒ NGẬP LỤT

3.1. Quy định chung

- 1) Bộ ký hiệu này được thống nhất sử dụng chung cho tất cả các loại bản đồ tỷ lệ: 1:200; 1:500; 1:1000; 1:5000; 1:10000.
- 2) Mỗi ký hiệu có một số thứ tự gọi là số ký hiệu. Số thứ tự của phần giải thích tương ứng với số thứ tự của ký hiệu. Một giải thích có thể bao gồm nội dung chung cho một số ký hiệu, ký hiệu nào không cần giải thích sẽ không có trong phần giải thích.
- 3) Ký hiệu chia làm 3 loại:
 - Ký hiệu vẽ theo tỷ lệ: vẽ đúng theo kích thước của địa vật tính theo tỷ lệ bản đồ.
 - Ký hiệu vẽ nửa theo tỷ lệ: ký hiệu có một chiều tỷ lệ với kích thước thực của địa vật, chiều kia biểu thị quy ước, không vẽ theo tỷ lệ bản đồ.
 - Ký hiệu không theo tỷ lệ là ký hiệu vẽ quy ước, không theo đúng tỷ lệ kích thước của địa vật, các ký hiệu này dùng trong trường hợp địa vật không vẽ được theo tỷ lệ bản đồ và một số trường hợp địa vật vẽ được theo tỷ lệ nhưng cần sử dụng thêm ký hiệu quy ước đặt vào vị trí quy định để tăng thêm khả năng đọc, khả năng định hướng của bản đồ.
- 4) Kích thước, lực nét vẽ bên cạnh ký hiệu tính bằng milimét. Những ký hiệu không có ghi chú lực nét đều dùng nét vẽ có lực nét 0,15 - 0,20mm để vẽ. Những ký hiệu nào không chỉ dẫn kích thước thì vẽ theo hình dạng và kích thước ký hiệu mẫu trong tập ký hiệu này. Các kiểu chữ trình bày trên bản đồ

địa chính được chọn dựa trên bộ font chữ Vnfontdc.rsc-~~được thiết kế trong phần mềm Famis~~. Kiểu và cỡ chữ ghi chú trên bản đồ phải tuân theo mẫu chữ quy định trong tập ký hiệu. Nói chung các chữ, số ghi chú bản đồ đều bố trí song song với khung Nam của bản đồ trừ các ghi chú phải bố trí theo hướng địa vật hình tuyến như đường giao thông, kênh, mương, sông, ngòi, ghi chú bình độ hay các ghi chú thừa hẹp phải kéo dài theo thừa .v.v... Khi bố trí ghi chú theo hướng địa vật phải cố gắng để đầu các ghi chú hướng lên phía trên, không quay ngược xuống dưới khung Nam bản đồ.

5) Tâm của các ký hiệu được bố trí tương ứng với vị trí tâm của các địa vật ngoài thực địa. Tâm của các ký hiệu được quy ước như sau:

- Ký hiệu có dạng hình học: hình tròn, hình vuông, tam giác, chữ nhật... Tâm của ký hiệu là tâm địa vật.

- Ký hiệu có vòng tròn ở chân: trường học, trạm biến thế... tâm vòng tròn là tâm địa vật.

- Ký hiệu tượng hình có đường đáy: đình, chùa, tháp... tâm ký hiệu là điểm giữa của đường đáy.

- Ký hiệu hình tuyến: đường bờ, đường giao thông và sông suối 1 nét,... trục tâm ký hiệu là trục tâm địa vật.

6) Các điểm khống chế đo vẽ phải được thể hiện lên bản đồ bằng tọa độ, với độ chính xác cao theo quy định của quy phạm, không được xô dịch và phải được ưu tiên trong quá trình biên tập bản đồ địa chính. Giao điểm lưới tọa độ và góc khung bản đồ cũng được đưa lên bản đồ bằng tọa độ.

3.2. Hệ thống các ký hiệu bản đồ nền

ĐỐI TƯỢNG KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

SỐ KH	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU					
		1: 200	1: 500	1: 1000	1: 2000	1: 5000	1: 10 000
16*	Kiến trúc dạng tháp cổ	a	b	c		3,0	1,5
17*	Đình, chùa, đền, miếu	a	b	c		2,5	1,5
18*	Nhà thờ	a	b	c		2,5	1,2
19*	Tượng đài, bia kỷ niệm	a	b	c		2,5	1,5
20*	Lăng tẩm, nhà mồ	a	b	c		1,3	2,6
21*	Chòi cao, tháp cao	a	b	c		3,0	1,5
22*	Ống khói nhà máy	a	b	c		3,0	1,0
23*	Trạm biến thế	a	b	c		3,0	1,2
24*	Đài phun nước	a	b	c		3,0	2,0
25*	Trường học	a	b	c		3,0	0,7
26*	Bệnh viện, trạm y tế	a	b	c		3,0	2,0
	Những ký hiệu có đánh dấu (*): a Nằm trong thửa, b Nằm trùng ranh giới thửa, c Nằm trong thửa, vẽ bằng ký hiệu qui ước						
27	Nghĩa địa						
28	Các đối tượng kinh tế, văn hóa xã hội khác thể hiện bằng ghi chú, ví dụ: chợ, rạp hát, nhà văn hóa, sân vận động, công viên, ủy ban ...						

ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN

SỐ KH	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU					
		1: 200	1: 500	1: 1000	1: 2000	1: 5000	1: 10 000
29	Đường sắt: a Đường ray b Chỉ giới đường (ranh giới thửa) c Vẽ nửa theo tỉ lệ d Ghi chú độ rộng trung bình của đoạn đường sắt vẽ nửa theo tỉ lệ						
30	Đường ô tô: a Phần trải mặt, ghi chú chất liệu trải mặt và số đường b Chỉ giới đường (ranh giới thửa) c Chỗ thay đổi chất liệu trải mặt						
31	Đường phố và vỉa hè: a Phần lòng đường b Chỉ giới đường (ranh giới thửa)						
32	Đường giao thông khác (đường đất, đường mòn, ngõ phố, đường giao thông nội đồng ...các loại đường không phải là đường ô tô) a Vẽ theo tỉ lệ b Vẽ nửa theo tỉ lệ c Ghi chú độ rộng trung bình của đoạn đường vẽ nửa theo tỉ lệ						
33	Đường bờ ruộng: a Vẽ theo tỉ lệ b Vẽ nửa theo tỉ lệ c Ghi chú độ rộng trung bình của bờ ruộng vẽ nửa theo tỉ lệ						
34	Cầu các loại: a Vẽ theo tỉ lệ b Vẽ nửa theo tỉ lệ c Vẽ không theo tỉ lệ						
35	Bến cảng, cầu tàu, bến phà, đò: 1 Kiểu đê, đập 2 Kiểu cầu dẫn						

THỦY HỆ VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN

SỐ KH	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU					
		1: 200	1: 500	1: 1000	1: 2000	1: 5000	1: 10 000
36	<p>Đường mép nước, đường bờ và dòng chảy ổn định:</p> <p>a Đường mép nước</p> <p>b Đường bờ</p> <p>c Đường mép nước và đường bờ trùng nhau</p> <p>d Hướng dòng chảy</p> <p>e Ghi chú độ rộng trung bình của dòng chảy ổn định</p>	<p>The diagram shows a river system with a lake labeled 'hồ'. The river is labeled 'SÔNG CẨM'. Various points are marked with letters a through e. Scale bars are provided for different scales: 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000, and 1:10000.</p>					
37	<p>Kênh, mương, rãnh thoát nước:</p> <p>a Vẽ theo tỉ lệ</p> <p>b Vẽ nửa theo tỉ lệ</p> <p>c Ghi chú độ rộng trung bình của kênh mương vẽ nửa theo tỉ lệ</p> <p>d Hướng dòng chảy</p>	<p>The diagram shows a canal system with a canal labeled 'KÊNH CÂY DỪA' and a ditch labeled 'rãnh thoát nước'. The canal is labeled 'kênh 19-8'. Scale bars are provided for different scales: 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000, and 1:10000.</p>					
38	<p>Cống, đập trên sông, hồ, kênh, mương:</p> <p>a Đập</p> <p>b Cống</p>	<p>The diagram shows a dam structure labeled 'đập' and a bridge structure labeled 'cống'. Scale bars are provided for different scales: 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000, and 1:10000.</p>					
39	<p>Đê:</p> <p>a Giới hạn chân đê (ranh giới thửa)</p> <p>b Mặt đê</p> <p>c Đê vẽ nửa theo tỉ lệ và ghi chú độ rộng trung bình</p>	<p>The diagram shows a dike structure labeled 'đê'. Scale bars are provided for different scales: 1:200, 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000, and 1:10000.</p>					

RANH GIỚI, ĐỊA GIỚI

SỐ KH	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU					
		1: 200	1: 500	1: 1000	1: 2000	1: 5000	1: 10 000
46	Biên giới quốc gia: a Xác định b Chưa xác định c Mốc và số hiệu mốc						
47	Địa giới tỉnh và cấp tương đương a Xác định b Chưa xác định c Mốc địa giới cấp tỉnh						
48	Địa giới huyện và cấp tương đương a Xác định b Chưa xác định c Mốc địa giới cấp huyện						
49	Địa giới xã và cấp tương đương a Xác định b Chưa xác định c Mốc địa giới cấp xã						
50	Đường chỉ giới qui hoạch và mốc						
51	Ranh giới khoảnh Tên khoảnh						
52	Ranh giới tiểu khu Tên tiểu khu						
53	Ranh giới hành lang an toàn						

3.3. Giải thích hệ thống ký hiệu bản đồ nền

ĐỐI TƯỢNG KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

16, 17, 18. Kiến trúc dạng tháp cổ; đình, chùa đền miếu, nhà thờ: Thể hiện các công trình có giá trị về lịch sử, văn hoá và ý nghĩa định hướng cao.

19, 20. Tượng đài, bia kỷ niệm, lăng tẩm, nhà mồ: biểu thị có chọn lọc các tượng đài bia kỷ niệm, ưu tiên các công trình có giá trị lịch sử, văn hoá và ý nghĩa định hướng.

21. Chòi cao, tháp cao: ký hiệu này dùng chung để thể hiện các chòi cao, tháp cao có ý nghĩa định hướng như tháp nước, tháp truyền hình, tháp canh... các chòi, tháp tạm bằng tre gỗ đều không biểu thị.

22. Ống khói nhà máy: chỉ biểu thị những đối tượng có ý nghĩa lịch sử, văn hóa và có ý nghĩa định hướng cao

23. Trạm biến thế: ký hiệu này dùng để biểu thị các trạm biến thế lớn và trạm biến thế khu vực, không thể hiện các máy biến thế trên cột.

24. Đài phun nước: chỉ thể hiện các đài phun nước lớn, đứng độc lập và có ý nghĩa định hướng. Không thể hiện các đài phun nước nhỏ trong khuôn viên khách sạn, nhà nghỉ.

25, 26. Trường học, bệnh viện: được thể hiện đầy đủ không chọn lọc bằng các ký hiệu này.

27. Nghĩa trang, nghĩa địa: Biểu thị theo đúng hiện trạng ranh giới, không phân biệt có tường bao, hàng rào hay không. Phần bên trong vẽ theo quy định của ký hiệu kèm theo ghi chú số thửa, diện tích và loại đất theo quy định.

28. Các đối tượng kinh tế văn hóa xã hội khác: Toàn bộ các đối tượng kinh tế, văn hóa, xã hội khác như sân vận động, rạp hát, cơ quan, xí nghiệp, trạm xá, nhà trẻ... thể hiện bằng ghi chú trong phạm vi đồ hình thửa đất và nhà cửa thuộc đối tượng đó (đối với khu vực ngoài đô thị chỉ vẽ nhà khi có yêu cầu). Những đối tượng nhỏ nhưng có ý nghĩa định hướng cao mà không ghi chú được vào bên trong thì ghi chú ra ngoài và đánh mũi tên chỉ vào đối tượng

ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN

29. Đường sắt: Ranh giới thửa của đường sắt thường là chỉ giới an toàn giao thông đường sắt do ngành đường sắt quy định. Vẽ chính xác ranh giới này theo quy định hoặc theo hiện trạng sử dụng như quy định vẽ thửa. Ký hiệu quy ước của đường sắt trong trường hợp đặt được vào trong thửa thì vẽ bằng nét đứt đặt vào trực tâm của vị trí đường ray. Giới hạn sử dụng của đường sắt trong sân ga vẽ theo thực tế sử dụng của ngành đường sắt, nhà và các công trình xây dựng đường sắt vẽ theo quy định vẽ nhà, cầu.

30, 31. Đường ô tô; đường phố và vỉa hè: Giới hạn sử dụng của đường vẽ theo tỷ lệ như quy định vẽ thửa. Lòng đường (mặt đường hoặc phần có trải mặt) khi có thể vẽ được theo tỷ lệ thì vẽ bằng ký hiệu nét đứt. Khi độ rộng giới hạn sử dụng của đường nhỏ hơn 1,5mm trên bản đồ thì không cần vẽ phần lòng đường. Tất cả các đường có độ rộng từ 0,5mm trở lên theo tỷ lệ bản đồ phải vẽ bằng nét (vẽ theo tỷ lệ). Điểm thay đổi chất liệu trải mặt thể hiện bằng ký hiệu 30c. Nếu đường nằm trong thửa lớn và thuộc phạm vi khuôn viên của thửa đó ví dụ: đường nội bộ trong khuôn viên khu triển lãm, khu công viên... vẽ bằng nét đứt và chỉ vẽ phần mặt đường. Đường ô tô và đường phố trong mọi trường hợp đều phải ghi chú, đường ô tô phải ghi số đường, chất liệu rải mặt, đường phố phải ghi tên phố. Nếu đường không có trải mặt, đường phố không có tên thì phải ghi chú chữ “đường” vào phạm vi đối tượng để dễ phân biệt nội dung theo nguyên tắc: khi lòng đường đủ rộng thì ghi chú vào bên trong, khi không đủ rộng thì bố trí ghi chú ra ngoài, bên cạnh ký hiệu sao cho dễ đọc và không nhầm lẫn. Khi ghi chú, tùy theo độ rộng, chiều dài của đường mà dùng cỡ chữ và phân bố chữ cho thích hợp theo phạm vi của đối tượng, những đường ô tô và đường phố dài trên bản đồ phải dùng ghi chú lặp lại cách nhau

từ 20 - 25cm sao cho dễ phân biệt và không nhầm lẫn.

32, 33. Đường giao thông khác, đường bờ ruộng: Giới hạn sử dụng của đường vẽ theo tỷ lệ như quy định vẽ thửa. Tất cả các đường có độ rộng từ 0,5mm trở lên theo tỷ lệ bản đồ phải vẽ bằng 2 nét (vẽ theo tỷ lệ). Phải ghi chú chữ “đường” vào phạm vi đối tượng để dễ phân biệt nội dung theo nguyên tắc: khi lòng đường đủ rộng thì ghi chú vào bên trong, khi không đủ rộng thì bố trí ghi chú ra ngoài, sao cho dễ đọc và không nhầm lẫn. Khi ghi chú, tùy theo độ rộng, chiều dài của đường mà dùng cỡ chữ và phân bố chữ cho thích hợp theo phạm vi của đối tượng, trên bản đồ phải dùng ghi chú lặp lại cách nhau từ 20 - 25cm sao cho dễ phân biệt và không nhầm lẫn. Đường có độ rộng từ 0,5mm trở xuống theo tỷ lệ bản đồ chỉ thể hiện trên bản đồ địa chính cơ sở bằng ký hiệu nửa theo tỷ lệ. Phải ghi chú đường theo qui định gồm có: tên đường, độ rộng tính tới mép đường cứ khoảng 20cm đến 25cm đặt một ghi chú.

34. Cầu các loại: Các loại cầu được thể hiện không phân biệt vật liệu xây dựng hay cấu trúc của cầu bằng ký hiệu nửa theo tỷ lệ hoặc không theo tỷ lệ tùy theo thực tế. Các yếu tố dòng chảy không ngắt tại vị trí cầu trên bản đồ.

35. Bùn càng, cầu tàu, bến phà, bến đò: Đối tượng nằm hoàn toàn trong thửa mà không ảnh hưởng tới nội dung khác của thửa đất, khi đó vẽ đầy đủ cả đồ hình mặt bằng và ký hiệu quy ước. Nếu đối tượng nằm trọn trên thửa đất thì thể hiện và tính như một thửa đất kèm theo ghi chú đối tượng.

THỦY HỆ VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN

36, 37. Đường mép nước, đường bờ và dòng chảy ổn định, kênh, mương: Mực nước các sông, ngòi, hồ, ao thường không ổn định trong năm. Ký hiệu đường mép nước dùng để thể hiện vị trí đường mép nước tại thời điểm đo vẽ hoặc

chụp ảnh

hàng không. Đường bờ là đường giới hạn của mức nước cao nhất trung bình nhiều năm của

sông, biển, hồ, đầm, ao. Trong thực tế đường bờ ổn định thường là giới hạn của lòng

sông, hồ, đầm, ao, bãi biển với khu vực mà con người cư trú và canh tác ổn định.

- Đối với những sông sâu, lòng hẹp và có độ dốc lớn thì mặt chiếu phẳng của đường bờ và đường mép nước thường rất gần nhau, trường hợp này đường mép nước

và đường bờ coi như trùng nhau và chỉ thể hiện đường bờ.

- Đối với các sông, suối, kênh, mương có độ rộng lớn hơn 0,5mm theo tỷ lệ bản đồ phải thể hiện bằng 2 nét theo tỷ lệ.

- Những sông, suối có độ rộng nhỏ hơn 0,5mm trên bản đồ được biểu thị 1 nét lạch nét không đổi từ 0,15 đến 0,2mm và trùng với vị trí trục chính của yếu tố.

- Kênh, mương tùy theo độ rộng thực tế và tỷ lệ bản đồ mà thể hiện bằng hai nét hoặc một nét theo quy định trên.

- Tất cả các dòng chảy đều phải vẽ mũi tên chỉ hướng nước chảy, vẽ nhắc lại khoảng 15 cm một lần sao cho dễ xác định và không nhầm lẫn.

- Xác định và ghi chú độ rộng trung bình của sông suối, kênh mương vẽ nửa theo tỷ lệ theo quy định tại điều 36.

38. Công, đập trên sông, hồ, kênh, mương: Tất cả các công, đập không phân

ĐỊA GIỚI, RANH GIỚI

39, 40, 41, 42. Biên giới Quốc gia và địa giới hành chính các cấp: Biên giới Quốc gia và địa giới hành chính các cấp (sau đây gọi chung là địa giới) vẽ theo đúng kích thước quy định cho từng cấp. Các mốc địa giới khi đo vẽ phải theo đúng quy định và vẽ đúng vị trí, nếu có tọa độ thì phải chuyển lên bản đồ theo tọa độ. Khi biểu thị địa giới trên bản đồ in trên giấy phải theo đúng những quy định sau đây:

- Nếu địa giới chạy dọc theo các địa vật hình tuyến mà chiều rộng của địa vật không đủ rộng để vẽ ký hiệu vào giữa thì địa giới vẽ so le hai bên cách địa vật hình

tuyến 0,2mm, mỗi bên từ 3 đến 5 đốt ký hiệu tùy theo chiều dài của đoạn địa giới, tuy

nhiên những chỗ ngoặt, ngã ba, ngã tư phải thể hiện chính xác, rõ ràng.

- Khi địa giới chạy dọc theo một phía của địa vật hình tuyến thì phải vẽ địa giới đúng về phía của nó cách ký hiệu địa vật được chọn làm địa giới 0,2mm, vẽ liền tục không ngắt đoạn.

- Nếu địa giới chạy dọc theo sông thì các loại sông có cù lao phải vẽ địa giới chạy liền tục để thể hiện rõ cù lao thuộc bên nào.

- Các trường hợp còn tranh chấp phải dùng ký hiệu địa giới chưa xác định tương ứng để thể hiện và phải ghi rõ trong biên bản xác nhận đo vẽ địa giới hành chính theo quy định của quy phạm. Đối với các trường hợp bản đồ địa chính thành lập bằng công nghệ tin học nếu trực tâm của các địa phận hình tuyến được chọn làm địa giới thì ký hiệu địa giới trên máy vi tính được thể hiện đề lên các ký hiệu địa vật hình tuyến đó (sao chép, copy đoạn địa vật hình tuyến đó sang lớp địa giới) nhưng khi in bản đồ ra giấy phải biên tập lại theo quy định thể hiện địa giới trên bản đồ giấy.

50. Đường chỉ giới quy hoạch và mốc: biểu thị trong trường hợp đã có quy hoạch và chỉ giới quy hoạch đã cắm mốc ngoài thực địa.

51, 52. Ranh giới khoảnh, ranh giới tiểu khu: biểu thị trong trường hợp khoảnh, tiểu khu thuộc quản lý của các chủ sử dụng khác như (nông lâm trường, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang).

53. Ranh giới hành lang an toàn: được biểu thị trong trường hợp để thể hiện

3.4. Phổ màu thể hiện mức độ ngập lụt

Độ ngập lớn nhất (H_{max}) = màu xanh đậm (Dark Blue), [Red=50, Green=50, Blue=180]

Độ ngập nhỏ nhất (H_{min}) = màu xanh nhạt (Light Blue), [Red=176, Green=226, Blue=255]

Số phổ màu = từ 5 đến 10, tùy theo yêu cầu về độ mịn của dải màu cần thể hiện.

Giá trị tham khảo của từng phổ màu trong trường hợp chia dải màu từ H_{max} đến H_{min} thành 10 bước như sau

		Color	Red	Green	Blue	Value
1	<input checked="" type="checkbox"/>	...	50	50	180	Hmax
2	<input checked="" type="checkbox"/>	...	64	69	188	↑ ↓
3	<input checked="" type="checkbox"/>	...	78	89	196	
4	<input checked="" type="checkbox"/>	...	92	108	205	
5	<input checked="" type="checkbox"/>	...	106	128	213	
6	<input checked="" type="checkbox"/>	...	120	147	221	
7	<input checked="" type="checkbox"/>	...	134	167	230	
8	<input checked="" type="checkbox"/>	...	148	186	238	
9	<input checked="" type="checkbox"/>	...	162	206	246	
10	<input checked="" type="checkbox"/>	...	176	226	255	Hmin

Phổ màu 10 bước từ H_{max} đến H_{min}

3.5. Hướng dẫn sử dụng bản đồ đơn giản dành cho người dân địa phương

Để giảm lược các thao tác phức tạp khi sử dụng bản đồ, đối với người dân địa phương cần xác định rõ mục đích sử dụng bản đồ, tiếp đó là các đối tượng bản đồ liên quan tới mục đích sử dụng đó.

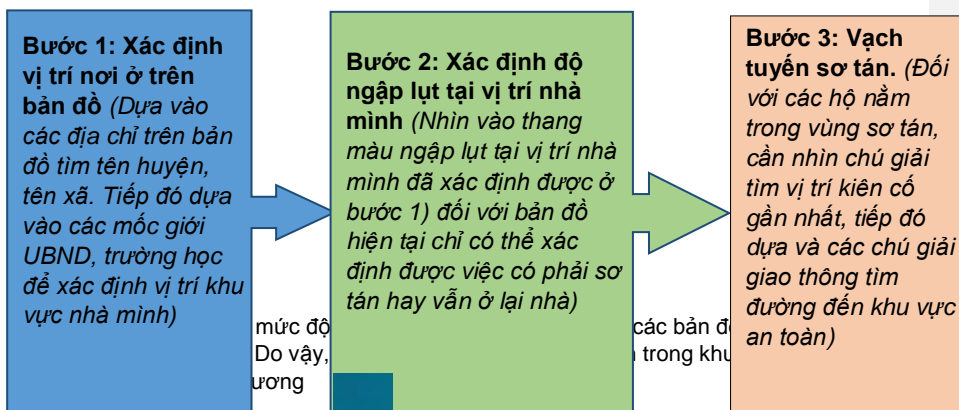
Trước hết có thể thấy đối với người dân địa phương, việc sử dụng bản đồ thường chỉ phục vụ hai mục đích chính:

- Xác định mức độ ngập lụt tại khu vực, vị trí nhà ở;
- Tìm tuyến dịch chuyển khi sơ tán đảm bảo thuận tiện nhất.

Do vậy những đối tượng bản đồ cần quan tâm gồm các lớp chính

- Lớp phổ màu thể hiện mức độ ngập lụt;
- Và lớp các địa chỉ kiên cố có thể sơ tán;
- Lớp giao thông;
- Lớp tuyến di dân, cảnh báo khu vực nguy hiểm, cực kỳ nguy hiểm.

Quy trình sử dụng bản đồ cho người dân địa phương có thể được sơ đồ hóa như sau:



Để có thể tự vạch được tuyến sơ tán, người dân cần lưu ý các kí tự sau để tìm vị trí an toàn và tìm tuyến giao thông hợp lý nhất.

ĐỐI TƯỢNG KINH TẾ, VĂN HÓA, XÃ HỘI

SỐ KH	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU					
		1: 200	1: 500	1: 1000	1: 2000	1: 5000	1: 10 000
16*	Kiến trúc dạng tháp cổ	a	b	c		3,0	1,5
17*	Đình, chùa, đền, miếu	a	b	c		2,5	1,5
18*	Nhà thờ	a	b	c		2,5	1,2
19*	Tượng đài, bia kỷ niệm	a	b	c		2,5	1,5
20*	Lăng tẩm, nhà mồ	a	b	c		1,3	2,6
21*	Chòi cao, tháp cao	a	b	c		3,0	1,5
22*	Ống khói nhà máy	a	b	c		3,0	1,0
23*	Trạm biến thế	a	b	c		3,0	1,2
24*	Đài phun nước	a	b	c		3,0	2,0
25*	Trường học	a	b	c		3,0	0,7
26*	Bệnh viện, trạm y tế	a	b	c		3,0	2,0
	Những ký hiệu có đánh dấu (*): a Nằm trong thửa, b Nằm trùng ranh giới thửa, c Nằm trong thửa, vẽ bằng ký hiệu qui ước						
27	Nghĩa địa						
28	Các đối tượng kinh tế, văn hóa xã hội khác thể hiện bằng ghi chú, ví dụ: chợ, rạp hát, nhà văn hóa, sân vận động, công viên, ủy ban ...						

ĐƯỜNG GIAO THÔNG VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG LIÊN QUAN

SỐ KH	TÊN KÝ HIỆU	KÝ HIỆU					
		1: 200	1: 500	1: 1000	1: 2000	1: 5000	1: 10 000
29	Đường sắt: a Đường ray b Chỉ giới đường (ranh giới thửa) c Vẽ nửa theo tỉ lệ d Ghi chú độ rộng trung bình của đoạn đường sắt vẽ nửa theo tỉ lệ						
30	Đường ô tô: a Phần trải mặt, ghi chú chất liệu trải mặt và số đường b Chỉ giới đường (ranh giới thửa) c Chỗ thay đổi chất liệu trải mặt						
31	Đường phố và vỉa hè: a Phần lòng đường b Chỉ giới đường (ranh giới thửa)						
32	Đường giao thông khác (đường đất, đường mòn, ngõ phố, đường giao thông nội đồng ...các loại đường không phải là đường ô tô) a Vẽ theo tỉ lệ b Vẽ nửa theo tỉ lệ c Ghi chú độ rộng trung bình của đoạn đường vẽ nửa theo tỉ lệ						
33	Đường bờ ruộng: a Vẽ theo tỉ lệ b Vẽ nửa theo tỉ lệ c Ghi chú độ rộng trung bình của bờ ruộng vẽ nửa theo tỉ lệ						
34	Cầu các loại: a Vẽ theo tỉ lệ b Vẽ nửa theo tỉ lệ c Vẽ không theo tỉ lệ						
35	Bến cảng, cầu tàu, bến phà, đò: 1 Kiểu đê, đập 2 Kiểu cầu dẫn						

Tài liệu truyền thông – bão mạnh, siêu bão

Được hỗ trợ bởi:
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
Chương trình phát triển Liên hợp Quốc

Tài liệu truyền thông – bão mạnh, siêu bão

Được hỗ trợ bởi:
Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn
Chương trình phát triển Liên hợp Quốc



Bão mạnh, siêu bão là gì ?



Nên làm gì trước khi xảy ra bão mạnh ? Nên làm gì khi có tin bão mạnh trên biển đông, cơ nguy cơ đổ bộ ?



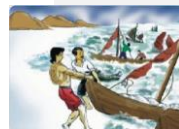
Tham gia tập huấn để hiểu về bão mạnh, siêu bão và kỹ năng ứng phó



Theo dõi diễn biến bão trên phương tiện thông tin TV...



Chuẩn bị lương thực, ý tế, nhu yếu phẩm dự trữ



Gia cố nhà cửa, đưa dụng cụ đến nơi an toàn Neo tàu nơi an toàn, gia cố lồng bè thủy sản

Nên làm gì khi bão mạnh gần bờ, nguy cơ đổ bộ cao ?



Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ đạo của chính quyền địa phương



Sơ tán đến nơi an toàn 2 tiếng trước khi bão đổ bộ



Giữ an ninh, trật tự, vệ sinh chung nơi sơ tán



Lưu ý trông coi trẻ em tránh trường hợp đáng tiếc xảy ra



Hỗ trợ người bị nạn, bảo vệ người già, trẻ em

Nên làm gì sau khi bão tan ?



Dọn dẹp vệ sinh, kiểm tra lại các thiết bị trong nhà mình



Tham gia hoạt động cộng đồng, vệ sinh xung quanh khu vực ở, khắc phục đổ nát



Tham gia thống kê thiệt hại, đáp dịch bệnh cùng chính quyền

Bão mạnh, siêu bão là hiện tượng

Ảnh hưởng của bão mạnh siêu bão

Số điện thoại đường dây nóng của Văn phòng Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn

KHI CẦN HỖ TRỢ KHẨN CẤP LIÊN HỆ

cứu nạn

- Số điện thoại đường dây nóng cứu hộ cứu nạn (24/24h) của Văn phòng Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn
Điện thoại: 0437.333.664; 0437.349.821; 069.696.348 Fax: 0437.333.845
- Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai
Điện thoại: 043 7335701
Website: phongchongthientai.vn/
Trụ sở: Nhà A4, số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

TÀI LIỆU TRUYỀN THÔNG BÃO MẠNH, SIÊU BÃO



Biểu hiện: gió mạnh hoặc rất mạnh, mưa lớn hoặc rất lớn, sóng lớn ngoài khơi hoặc ven bờ, nước biển dâng cao



CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC MÙA BÃO VÀ KHI CÓ TIN BÃO MẠNH TRÊN BIỂN ĐÔNG CÓ



Tham gia tập huấn để hiểu về bão mạnh, siêu bão và kỹ năng ứng phó



Trồng cây quanh nhà để chắn gió



Gia cố giằng chống nhà cửa trước mùa bão



Thường xuyên theo dõi diễn biến bão trên phương tiện thông tin TV...



Chuẩn bị lương thực, ý tế, nguồn thấp sáng, chất đốt, nước sạch và các nhu yếu phẩm dự trữ



Không nên ra khơi khi có dự báo bão, Neo tàu nơi an toàn, gia cố lồng bè thủy sản



Empowered lives. Resilient nations.



Điện thoại: 0437.333.6437.349.821; 069.696.348 Fax: 0437.333.6437.349.821

- Ban chỉ đạo Trung ương chống thiên tai
Điện thoại: Fax: 0437.333.6437.349.821
Website: phongchongtranh
Trụ sở: Nhà A4, số 21 Đĩnh, Hà Nội

• Không nên ra khơi khi có dự báo bão, neo tàu nơi an toàn, gia cố lồng bè thủy sản

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ KHI BÃO MẠNH GẦN BỜ CÓ NGUY CƠ ĐỔ BỘ CAO VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN TRONG BÃO



Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ đạo của chính quyền địa phương



Sơ tán đến nơi an toàn trước khi bão đổ bộ 2 giờ



Giữ an ninh, trật tự, vệ sinh chung nơi sơ tán



Lưu ý trông coi trẻ em tránh trường hợp đáng tiếc xảy ra



Hỗ trợ người bị nạn, bảo vệ người già, trẻ em



Không ra ngoài khi có bão, không trú ẩn dưới gốc cây, đứng gần cột điện để tránh tai nạn do gió, cây đổ, sét...

CÔNG TÁC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SAU BÃO



Tham gia hoạt động cộng đồng, vệ sinh xung quanh khu vực ở



Kiểm tra lại nguồn điện trong nhà, đảm bảo an toàn trước khi sử dụng,



Lau dọn nhà cửa, kịp thời sửa chữa các vật dụng hư hỏng



Kiểm tra nguồn nước và an toàn của vật nuôi



Tham gia thống kê thiệt hại, dập dịch bệnh cùng chính quyền địa phương



Tiếp tục theo dõi thông tin về bão trên phương tiện truyền thông và tổ chức họp cộng đồng rút kinh nghiệm trong công tác phòng chống bão



Bão mạnh, siêu bão là hiện tượng thời tiết cực đoan vô cùng nguy hiểm.

Biểu hiện: gió mạnh hoặc rất mạnh, mưa lớn hoặc rất lớn, sóng lớn ngoài khơi hoặc ven bờ, nước biển dâng cao

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ TRƯỚC MÙA BÃO VÀ KHI CÓ TIN BÁO MẠNH TRÊN BIỂN ĐÔNG CÓ NGUY CƠ ĐỔ BỘ

- Tham gia tập huấn để hiểu về bão mạnh, siêu bão và kỹ năng ứng phó
- Trồng cây quanh nhà để chắn gió
- Gia cố giằng chống nhà cửa trước mùa bão
- Thường xuyên theo dõi diễn biến bão trên phương tiện thông tin TV...
- Chuẩn bị lương thực, y tế, nguồn thắp sáng, chất đốt, nước sạch và các nhu yếu phẩm dự trữ
- Không nên ra khơi khi có dự báo bão. Neo tàu nơi an toàn, gia cố lồng bè thủy sản

CÔNG TÁC CHUẨN BỊ KHI BÃO MẠNH GẦN BỜ CÓ NGUY CƠ ĐỔ BỘ CAO VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CẦN THỰC HIỆN TRONG BÃO

- Nghiêm chỉnh chấp hành chỉ đạo của chính quyền địa phương
- Sơ tán đến nơi an toàn trước khi bão đổ bộ 2 giờ
- Giữ an ninh, trật tự, vệ sinh chung nơi sơ tán
- Lưu ý trông coi trẻ em tránh trường hợp đáng tiếc xảy ra
- Hỗ trợ người bị nạn, bảo vệ người già, trẻ em

KHI CẦN HỖ TRỢ KHẨN CẤP LIÊN HỆ

- Số điện thoại đường dây nóng cứu hộ cứu nạn (24/24h) của Văn phòng Ủy ban Quốc gia tìm kiếm cứu nạn

Điện thoại: 0437.333.664; 0437.349.821; 069.696.348 Fax: 0437.333.845

- Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng chống thiên tai

Điện thoại: Fax: 043 7335701

Website: phongchongthientai.vn/

Trụ sở: Nhà A4, số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

CÔNG TÁC KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SAU BÃO

- Tiếp tục theo dõi thông tin về bão trên phương tiện truyền thông
- Tham gia hoạt động cộng đồng, vệ sinh xung quanh khu vực ở
- Kiểm tra lại nguồn điện trong nhà, đảm bảo an toàn trước khi sử dụng.
- Lau dọn nhà cửa, kịp thời sửa chữa các vật dụng hư hỏng
- Kiểm tra nguồn nước và an toàn của vật nuôi
- Tham gia thống kê thiệt hại, dập dịch bệnh cùng chính quyền địa phương
- Tổ chức họp cộng đồng rút kinh nghiệm trong công tác phòng chống